

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ LÊ THÀNH CÔNG

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ LÊ THÀNH CÔNG

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Ngô Thị Lệ Hoa	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2	Nguyễn Thị Ngọc Thúy	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
3	Ngô Hồng Hải	Thư ký	Thư ký Hội đồng	
4	Nguyễn Thị Kim Ngân	Chủ tịch Công đoàn	Ủy viên Hội đồng	
5	Phạm Bích Ngọc	Bí thư Chi đoàn	Ủy viên Hội đồng	
6	Nguyễn Hồng Phương	Tổng phụ trách	Ủy viên Hội đồng	
7	Trần Thị Tuyết Hạnh	Tổ trưởng tổ Ngữ văn	Ủy viên Hội đồng	
8	Nguyễn Thị Phương Điền	Tổ trưởng tổ Sinh - Lý - Hóa	Ủy viên Hội đồng	
9	Lê Thị Thanh Thúy	Tổ trưởng tổ Sử - Địa - Giáo dục công dân	Ủy viên Hội đồng	
10	Nguyễn Thị Ngọc	Tổ trưởng tổ Tiếng Anh	Ủy viên Hội đồng	
11	Nguyễn Thị Hà Vân	Tổ trưởng tổ Toán - Tin	Ủy viên Hội đồng	
12	Ngô Thị Kim Hoàng	Tổ trưởng tổ Văn thể mỹ	Ủy viên Hội đồng	
13	Trần Thị Phượng Hằng	Tổ trưởng tổ Văn phòng	Ủy viên Hội đồng	

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2024

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	3
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	5
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	11
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	11
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	15
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	15
Mở đầu	15
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	15
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác	18
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	20
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	23
Tiêu chí 1.5: Lớp học	25
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	27
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	29
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	31
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	33
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	35
Kết luận về Tiêu chuẩn 1	38
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh	39
Mở đầu	39
Tiêu chí 2.1: Đối với Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng	40
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	42
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	45
Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh	47
Kết luận về Tiêu chuẩn 2	49

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	50
Mở đầu	50
Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập	50
Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	51
Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị	54
Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	55
Tiêu chí 3.5: Thiết bị	58
Tiêu chí 3.6: Thư viện	60
Kết luận về Tiêu chuẩn 3	62
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	63
Mở đầu	63
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh	65
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường	66
Kết luận về Tiêu chuẩn 4	68
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	69
Mở đầu	69
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông	69
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện	72
Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định	74
Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp	75
Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh	77
Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục	80
Kết luận về Tiêu chuẩn 5	83
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	84
Phần IV. PHỤ LỤC	

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	-	-
Tiêu chí 1.2		X	-	-
Tiêu chí 1.3		X	X	-
Tiêu chí 1.4		X	X	-
Tiêu chí 1.5		X	-	-
Tiêu chí 1.6		X	-	-
Tiêu chí 1.7		X	-	-
Tiêu chí 1.8		X	-	-
Tiêu chí 1.9		X	-	-
Tiêu chí 1.10		X	X	-
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	-	-
Tiêu chí 2.2		X	X	-
Tiêu chí 2.3		X	-	-
Tiêu chí 2.4		X	X	X
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	-	-
Tiêu chí 3.2		X	X	-
Tiêu chí 3.3		X	-	-
Tiêu chí 3.4		X	X	-
Tiêu chí 3.5		X	-	-
Tiêu chí 3.6		X	X	X
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	-
Tiêu chí 4.2		X	X	-

Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	-
Tiêu chí 5.2		X	-	-
Tiêu chí 5.3		X	X	-
Tiêu chí 5.4		X	-	-
Tiêu chí 5.5		X	-	-
Tiêu chí 5.6		X	X	X

Kết quả: Đạt Mức 1.

2. Kết luận: Trường đạt Mức 1.

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: Trung học cơ sở Lê Thành Công

Tên trước đây (nếu có): Không có

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè

Tỉnh/thành phố	Thành phố Hồ Chí Minh	Họ và tên Hiệu trưởng	Ngô Thị Lệ Hoa
Huyện	Huyện Nhà Bè	Điện thoại	(028) 37764248
Xã	Xã Phước Kiển	Fax	Không
Đạt chuẩn quốc gia	Không	Website	thcslethanhhong.hcm.edu.vn
Năm thành lập trường	2017	Số điểm trường	01
Công lập	x	Loại hình khác	Không
Tư thục	Không	Thuộc vùng khó khăn	Không
Trường chuyên biệt	Không	Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Không
Trường liên kết với nước ngoài	Không		

1. Số lớp học

Số lớp học	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026	Năm học 2026-2027
Khối lớp 6	8	9			

Khối lớp 7	6	8			
Khối lớp 8	7	5			
Khối lớp 9	6	7			
Cộng	27	29			

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026	Năm học 2026-2027	Ghi chú
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập						
1	Phòng học	22	22				
a	Phòng kiến cố	22	22				
b	Phòng bán kiên cố	00	00				
c	Phòng tạm	00	00				
2	Phòng học bộ môn	07	07				
a	Phòng kiến cố	07	07				
b	Phòng	00	00				

	bán kiên cố						
c	Phòng tạm	00	00				
3	Khối phòng phục vụ học tập	02	02				
a	Phòng kiên cố	02	02				
b	Phòng bán kiên cố	00	00				
c	Phòng tạm	00	00				
II	Khối phòng hành chính- quản trị	5	13				
a	Phòng kiên cố	5	13				
b	Phòng bán kiên cố	00	00				
c	Phòng tạm	00	00				
III	Thư viện	01	01				
IV	Các công	03	03				

	trình, khối phòng chức năng khác (nếu có)						
	Cộng	39	39				

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: tháng 12 năm 2023

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	1	0	0	0	1	
Phó hiệu trưởng	1	1		1	1	0	
Giáo viên	43	29	1		40	3	
Nhân viên	5	5	0	0	5	0	
Cộng	50	36	1	1	46	4	

b) Số liệu của 5 năm gần đây

T T	Số liệu	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-204	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026	Năm học 2026-2027
1	Tổng số giáo viên	39	43	42		
2	Tỷ lệ giáo viên/lớp	1.44	1.48			
3	Tỷ lệ giáo viên/học sinh	0.036	0.34			
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên	11	8			
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên					
6	Các số liệu khác					

4. Học sinh

a) Số liệu chung

TT	Số liệu	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-204	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026	Năm học 2026-2027	Ghi chú
1	Tổng số học sinh	1070	1244				
	- Nữ	518	613				
	- Dân tộc thiểu số	26	27				
	- Khối lớp 6	329	429				
	- Khối lớp 7	218	319				
	- Khối lớp 8	288	215				
	- Khối lớp 9	235	281				
2	Tổng số tuyển mới	329	429				
3	Học 2 buổi/ngày	1070	1244				
4	Bán trú						
5	Nội trú						
6	Bình quân số học sinh/lớp học	39.6	42.9				
7	Số lượng và tỉ lệ % đi học đúng độ	1022	1184				

	tuổi						
	- Nữ	498	590				
	- Dân tộc thiểu số	26	23				
8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có)	35/17	34/14				
9	Tổng số học sinh giỏi quốc gia (nếu có)						
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách						
	- Nữ						
	- Dân tộc						
11	Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt						

b) Kết quả giáo dục

Số liệu	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-204	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026	Năm học 2026-2027	Ghi chú
Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi	464/1070 43.36 %	485/1244 38.99 %				
Tỷ lệ học sinh xếp loại khá	422/1070 39.44 %	482/1244 38.75%				
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạng kiểm tốt	1027/1070 95.98 %	1205/1244 96.87 %				
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạng kiểm khá	38/1070 3.55 %	37/1244 2.97 %				
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạng kiểm trung bình	5/1070 0.47 %	2/1244 0.16%				
Tỷ lệ học sinh tốt nghiep THCS	235	281				

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công được thành lập từ năm 2017 theo Quyết định số 1254/QĐ-UBND ngày 03 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè về việc thành lập Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công. Cơ sở được đặt tại số 63 đường Đào Sư Tích, ấp 3, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công có nhiệm vụ tiếp nhận giảng dạy và giáo dục học sinh từ lớp 6 đến lớp 9 trên địa bàn xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè và học sinh đã học tiểu học tại huyện Nhà Bè, có hộ khẩu ấp 3 và ấp 5, xã Phước Kiển.

Trường có tổng diện tích 8.492 m² bao gồm khu vực phòng học, các phòng chức năng, diện tích sân chơi. Trường được xây dựng theo mô hình 01 trệt 02 lầu gồm có 22 phòng học và phòng chức năng, các lớp học đều thoáng mát, yên tĩnh tạo điều kiện thuận lợi cho việc giảng dạy và học tập.

Trong quá trình hình thành và phát triển, nhà trường luôn được sự quan tâm của huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè, Ủy ban nhân dân xã Phước Kiển, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nhà Bè, Đảng ủy và chính quyền địa phương cùng với sự nỗ lực phấn đấu không ngừng vươn lên của cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường, nhiều năm liền trường đã được công nhận tập thể lao động xuất sắc, Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Về cơ cấu tổ chức - nhân sự, trường có Chi bộ Đảng, cán bộ quản lý, tổ chức Công đoàn cơ sở, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh; 06 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng. Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên là 50 người. Về học sinh, trường hiện có 29 lớp cho khối 6, 7, 8, 9 với tổng số 1.270 học sinh.

Chi bộ nhà trường gồm có 20 đảng viên, luôn giữ vai trò hạt nhân lãnh đạo toàn diện hoạt động của nhà trường và đạt Chi bộ trong sạch vững mạnh.

Các tổ chức Công đoàn cơ sở, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, Chi hội Khuyến học, Chi hội Chữ thập đỏ, Ban đại diện cha mẹ học sinh đều phối hợp hoạt động tích cực vì mục tiêu giáo dục toàn diện cho học sinh, góp phần cùng nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị, chuyên môn.

Công tác quản lý chất lượng giáo dục trong những năm qua luôn là mối quan tâm hàng đầu của lãnh đạo nhà trường và được tổ chức thực hiện chặt chẽ, có hiệu quả từ cán bộ quản lý đến các tổ chuyên môn. Nhà trường đảm bảo thực hiện đúng, đủ kế hoạch thời gian năm học và nội dung chương trình giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; công tác đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra đánh giá được tăng cường và đẩy mạnh, bên cạnh đó việc ứng dụng công nghệ thông tin trong đổi mới phương pháp dạy học và quản lý cũng được chú trọng. Hằng năm, nhà trường đều có đầu tư thêm các thiết bị dạy học cho các phòng học ứng dụng công nghệ thông tin. Việc giáo dục đạo đức học sinh cũng được đặc biệt quan tâm, nhà trường giáo dục đạo đức học sinh thông qua những tấm gương đạo đức, những mẫu chuyện đạo đức Hồ Chí Minh, những chuyên viên tâm lý,... kết hợp với nội dung cuộc vận động “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”. Đặc biệt, trong những năm gần đây, nhà trường luôn nỗ lực tích cực trong hoạt động phong trào thi đua sôi nổi, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở nhà trường.

Công tác bồi dưỡng đội ngũ được quan tâm và thực hiện thường xuyên. Cùng với việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư trung ương Đảng về “Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục” và các cuộc vận động của ngành, nhà trường còn khuyến khích và tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên nâng cao trình độ bằng nhiều hình thức như: tự học, học nâng cao, dự các lớp tập huấn ngắn ngày hoặc tổ chức các buổi hội thảo chuyên đề, dự giờ, sinh hoạt tổ chuyên môn...

Về quản lý tài chính và tài sản, nhà trường thực hiện theo các văn bản pháp quy hiện hành của Nhà nước. Tất cả các nguồn tài chính, tài sản được quản lý, sử

dụng một cách hiệu quả, đúng mục đích, theo nguyên tắc công bằng, minh bạch và công khai trên cơ sở Quy chế chi tiêu nội bộ.

Thuận lợi cơ bản của nhà trường là đội ngũ giáo viên trẻ, có tinh thần trách nhiệm, nhiệt tình, có trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn. Cán bộ lãnh đạo nhà trường có kinh nghiệm và sâu sát trong công tác quản lý và điều hành.

Khó khăn cần giải quyết hiện nay là phòng học và phòng chức năng chưa đủ đáp ứng nhu cầu học tập và giảng dạy. Sĩ số học sinh trong một lớp học còn khá cao so với quy định.

Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công xác định tầm nhìn đến năm 2025 là một trong những trường có uy tín về chất lượng của huyện, là trung tâm văn hóa giáo dục của địa phương, là môi trường giáo dục đáng tin cậy cho cha mẹ học sinh yên tâm cho con học tại trường, là nơi để giáo viên và học sinh thể hiện tính năng động và cầu tiến. Đồng thời, thực hiện sứ mệnh: “Tạo môi trường học tập có nền nếp, kỷ cương, có chất lượng giáo dục cao” nhằm giáo dục cho các thế hệ học sinh có tinh thần vượt khó, có ý chí, có đủ năng lực và tri thức để đáp ứng được công cuộc công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước; phấn đấu trở thành người công dân có ích cho xã hội. Bên cạnh đó, nhà trường tăng cường giáo dục những giá trị cốt lõi như biết vượt khó trong học tập; có tinh thần kiên trì và nhẫn nại; có lối sống lành mạnh, biết ứng xử tốt trong mọi tình huống; có lập trường tư tưởng vững vàng, có định hướng nghề nghiệp rõ ràng; khỏe mạnh cả về thể chất, tinh thần và trí tuệ với phương châm: “Rèn đức, luyện tài - Không ngừng vươn lên”.

2. Mục đích tự đánh giá

Trong công cuộc xây dựng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, giáo dục và đào tạo giữ một vị trí quan trọng trong việc nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần vào việc xây dựng một nền kinh tế tri thức. Công tác kiểm định chất lượng giáo dục góp phần tạo bước chuyển biến lớn về chất lượng giáo dục một cách toàn diện trong nhà trường. Từ đó, nhà trường xác định rõ được điểm mạnh, điểm yếu nhằm tiếp tục bổ sung, điều chỉnh, cải tiến nâng cao chất lượng hoạt động phù hợp, đáp ứng với sự thay đổi

của tình hình nhiệm vụ, yêu cầu và điều kiện trong thực tiễn; đánh giá đúng thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường để từ đó kiến nghị và đề xuất đối với các cơ quan chức năng trong công tác cải tiến chất lượng giáo dục của nhà trường. Đồng thời, đề nghị đánh giá và công nhận Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công đạt kiểm định chất lượng giáo dục theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

Từ tháng 07 năm 2023, nhà trường thành lập Hội đồng tự đánh giá theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Chủ tịch Hội đồng tự đánh giá xây dựng kế hoạch tự đánh giá, chuẩn bị các nguồn lực thực hiện công tác tự đánh giá, tập huấn nghiệp vụ cơ bản cho các thành viên, các tổ nhóm, các đoàn thể; đồng thời Hội đồng tự đánh giá tổ chức thực hiện việc phân công nhiệm vụ các đoàn thể, các tổ nhóm tự đánh giá chức năng, nhiệm vụ của mỗi tổ, bộ phận và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện, thu thập minh chứng trong giai đoạn 05 năm (2023 - 2027).

Tháng 10 năm 2023, Hội đồng tự đánh giá thảo luận, tổng hợp đánh giá các tiêu chí từ các thành viên, đồng thời phân loại và sắp xếp minh chứng. Từ đó, nhà trường tiến hành xây dựng dự thảo báo cáo tự đánh giá. Trên cơ sở kết quả tự đánh giá của các năm học, Hội đồng tự đánh giá rà soát, điều chỉnh, cập nhật các tiêu chí, tiêu chuẩn theo quy định hiện hành, thu thập các ý kiến đóng góp dự thảo báo cáo tự đánh giá, bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá theo các ý kiến đóng góp; đề xuất những nội dung kế hoạch cải tiến chất lượng từ năm học 2022 - 2023 và trong giai đoạn 2023 - 2027.

Tháng 11 năm 2023, Hội đồng tự đánh giá tiếp tục bổ sung và sắp xếp, lưu trữ mã hóa lại minh chứng, báo cáo Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nhà Bè về công tác tự đánh giá.

Những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá: báo cáo tự đánh giá của nhà trường đã trình bày đầy đủ 05 tiêu chuẩn, 28 tiêu chí và chỉ báo của Mức 1, 2, 3 theo quy định. Mỗi tiêu chí được mô tả hiện trạng rõ ràng, các điểm mạnh, điểm yếu được trình bày theo đúng với thực tế, kế hoạch cải tiến chất lượng với những biện pháp cụ thể, khả thi, phù hợp với điều kiện của trường. Với 146 minh chứng được thu thập, sắp xếp, mã hóa khoa học và đúng quy định.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu

Với mục tiêu đảm bảo hệ thống tổ chức và hoạt động của nhà trường ngày càng hiệu quả là tiền đề quan trọng trong việc thực hiện chiến lược, phương hướng để điều hành hiệu quả những hoạt động giáo dục của nhà trường. Đồng thời, tăng cường việc đảm bảo nguyên tắc thống nhất, đồng bộ trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà trường. Bộ máy tổ chức và quản lý của nhà trường là điều kiện quan trọng để xây dựng chất lượng giáo dục bền vững cho nhà trường. Cơ cấu tổ chức và quản lý nhà trường theo đúng quy định của Điều lệ trường trung học và các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hội đồng trường được thành lập đúng quy định. Trường có Chi bộ Đảng, tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, có 06 tổ chuyên môn và tổ văn phòng. Chiến lược phát triển nhà trường được xây dựng phù hợp với các nguồn lực của nhà trường và được công bố công khai. Các đoàn thể và tổ chức trong nhà trường có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định, đóng góp tích cực trong các hoạt động, phối hợp chặt chẽ với nhà trường và hoạt động đạt hiệu quả.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật Giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Dựa trên thực tế, nhà trường đã xây dựng chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2023 - 2025 với sứ mạng tạo môi trường tốt nhất cho học sinh phát triển toàn diện, đến năm 2025 là một trong những trường được phụ huynh tin cậy và học sinh lựa chọn để học tập và rèn luyện; nơi mà giáo viên và học sinh đều khát khao học tập và cống hiến để khẳng định mình [H1-1.1-01]. Đồng thời, xây dựng được các giá trị cơ bản như tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, trung thực, sáng tạo, tự trọng, khát vọng vươn lên với phương châm hành động: “Rèn đức, luyện tài - Không ngừng vươn lên”. Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật Giáo dục và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và của ngành; các nguồn lực của nhà trường có khả năng đáp ứng điều kiện và nhiệm vụ mà chiến lược phát triển đã đặt ra.

b) Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường đã được Hiệu trưởng duyệt và Chi bộ ra Nghị quyết để tổ chức thực hiện theo [H1-1.1-01].

c) Chiến lược phát triển của nhà trường được công khai ở các cuộc họp hội đồng sư phạm và được cập nhật trên website của nhà trường tại địa chỉ www.thcslethanhcong.hcm.edu.vn để tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nắm bắt và thực hiện [H1-1.1-02], [H1-1.9-03].

Mức 2

Trong từng năm học, Hội đồng trường phối hợp tổ chức rà soát, đánh giá tình hình, điều kiện, yếu tố ảnh hưởng môi trường giáo dục của nhà trường. Đồng thời, phân công nhiệm vụ cụ thể đối với các tổ, bộ phận, đoàn thể để hoàn thành tốt nhiệm vụ đề ra. Định kỳ đầu năm và cuối mỗi học kỳ, tổ chức đánh giá mức độ đạt được và đề ra biện pháp thực hiện các chỉ tiêu thực hiện chiến lược phát triển giáo dục của nhà trường [H1-1.1-03].

Mức 3

Mỗi năm học, Hiệu trưởng chỉ đạo việc phối hợp các bộ phận có liên quan để đánh giá, rút kinh nghiệm nhằm kịp thời điều chỉnh, hoàn thiện kế hoạch, chiến lược phát triển giáo dục của nhà trường. Điều đó nhằm phát huy thế mạnh và khắc phục hạn chế để góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H1-1.1-03]. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

2. Điểm mạnh

Kế hoạch chiến lược được xây dựng sát với thực tế, phù hợp với mục tiêu giáo dục của cấp học và phù hợp định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè cũng như các nguồn lực mà nhà trường hiện có và dựa trên sự phân tích các mặt mạnh, điểm yếu của nhà trường, các cơ hội và thách thức.

Kế hoạch phát triển của nhà trường được thông báo công khai và lưu trữ đầy đủ. Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng kế hoạch xây dựng và phát triển.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển. Chưa thường xuyên tổ chức rà soát, bổ sung, điều chỉnh chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường theo tình hình thực tế hằng năm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục chỉ đạo việc phối hợp các bộ phận có liên quan điều chỉnh, hoàn thiện kế hoạch, chiến lược phát triển giáo dục nhằm phát huy thế mạnh nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

Từ năm học 2023 - 2024, Hiệu trưởng chỉ đạo các thành viên trong hội đồng trường tự nghiên cứu, học hỏi kinh nghiệm, sáng tạo, linh hoạt trong nhiệm vụ được phân công để hoàn thành tốt nhiệm vụ đề ra.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;*
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

- a) Hội đồng trường gồm 13 thành viên, có nhiệm vụ, quyền hạn và hoạt động theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ

Giáo dục và Đào tạo về Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông có nhiều cấp học [H1-1.2-01], [H1-1.2-02].

Ngoài ra, trong mỗi năm học, nhà trường có tổ chức thành lập các Hội đồng thi đua - khen thưởng, Hội đồng đánh giá sáng kiến kinh nghiệm [H1-1.2-03], [H1-1.2-04]. Các ban chỉ đạo những hoạt động quan trọng trong nhà trường như: Hội đồng tuyển sinh; Hội đồng kiểm tra đánh giá học sinh định kỳ; Hội đồng xét duyệt học lực - hạnh kiểm để thực hiện nhiệm vụ [H1-1.2-05], [H1-1.2-06].

b) Trong thời gian vừa qua, từng thành viên của hội đồng trường đã hoạt động, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Hội đồng trường thực hiện quyền quyết nghị về phương hướng phát triển nhà trường trong từng giai đoạn và kế hoạch nhiệm vụ trong từng năm học; giám sát việc thực hiện các quyết nghị, việc thực hiện quy chế dân chủ và giám sát các hoạt động của trường [H1-1.2-07]. Các hội đồng, ban chỉ đạo thực hiện những nhiệm vụ do Hội đồng trường phân công thực hiện đúng chức năng, thẩm quyền theo quy định, theo kế hoạch năm học nhà trường đã đề ra và có hiệu quả tích cực trong từng năm học qua [H1-1.4-04], [H1-1.4-05], [H1-1.4-09].

c) Hội đồng trường định kỳ hoặc mỗi học kỳ đánh giá và đề xuất các biện pháp để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Đồng thời, góp phần hoàn thành các chỉ tiêu đề ra và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường.

Mức 2

Hội đồng trường và các hội đồng khác trong nhà trường luôn phát huy tinh thần trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được giao, các thành viên phân công công việc phù hợp tình hình, điều kiện, yêu cầu công việc trong từng giai đoạn nhằm bảo đảm tiến độ và hiệu quả chất lượng giáo dục của nhà trường. Các hội đồng, ban chỉ đạo thực hiện những nhiệm vụ do Hội đồng trường phân công thực hiện đúng chức năng, thẩm quyền theo quy định, theo kế hoạch năm học nhà trường đã đề ra và có hiệu quả tích cực trong từng năm học qua [H1-1.1-03].

Tuy nhiên, trong phân công nhiệm vụ còn tập trung ở một số thành viên cốt cán của nhà trường nên cũng còn hạn chế. Riêng hội đồng trường sẽ được kiện toàn trong từng giai đoạn tiếp theo. Mặt khác không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các hội đồng, ban chỉ đạo trong nhà trường.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có Hội đồng trường và các hội đồng khác hoạt động phù hợp với quy định tại Điều lệ trường trung học và các quy định khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Hằng năm, nhà trường có đánh giá, rà soát hoạt động của Hội đồng trường, và các hội đồng khác.

3. Điểm yếu

Trong các hội đồng, một số thành viên đảm nhận nhiều nhiệm vụ nên hiệu quả công việc còn chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023- 2024, Hội đồng trường tiếp tục phát huy vai trò các thành viên của các hội đồng, các ban chỉ đạo để duy trì hiệu quả, chất lượng giáo dục mà trường đã đạt được. Đồng thời, cấp ủy và hội đồng trường quy hoạch, bồi dưỡng nhân sự kế thừa thích hợp để bổ sung, định hướng và giao nhiệm vụ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

- a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;*
- b) Hoạt động theo quy định;*
- c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

- a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công có đủ các tổ chức chính trị - xã hội theo quy định như: Công đoàn cơ sở trực thuộc Liên đoàn Lao động huyện Nhà Bè, Chi đoàn giáo viên trực thuộc Ban chấp hành xã Đoàn Phước Kiển, Liên Đội trực thuộc Hội đồng Đội huyện Nhà Bè [H1-1.3-01], [H1-1.3-02], [H1-1.3-03]. Ngoài ra, nhà trường đã thành lập các tổ chức xã hội khác theo quy định như Chi hội Khuyến học, Chi hội Chữ thập đỏ, Ban đại diện cha mẹ học sinh,... Các đoàn thể của nhà trường như Công đoàn có 47 đoàn viên và 03 người lao động. Chi đoàn giáo viên Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công gồm 21 đoàn viên; Tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh theo Điều lệ Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh [H1-1.3-14].

b) Các đoàn thể của nhà trường như Công đoàn hoạt động theo Điều lệ Công đoàn Việt Nam [H1-1.3-05]. Chi đoàn giáo viên Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công hoạt động theo Điều lệ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Luật Thanh niên; Tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh quản lý và tổ chức hoạt động Đội, phong trào thiếu nhi của Liên đội theo Điều lệ Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh. Các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội khác đã hoạt động đúng theo quy định hiện hành [H1-1.3-06].

c) Từng năm học, các đoàn thể, tổ chức xã hội xây dựng kế hoạch, sơ kết, tổng kết theo quy định [H1-1.3-05], [H1-1.3-06]. Thường xuyên rà soát và đánh

giá rút kinh nghiệm trong chỉ đạo, phối hợp thực hiện nhiệm vụ trong nhà trường [H1-1.3-07], [H1-1.3-08].

Mức 2

a) Chi bộ Trường Lê Thành Công trực thuộc Đảng bộ xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè. Hiện nay, chi bộ gồm có 22 đảng viên, trong đó có 20 đảng viên chính thức và 02 đảng viên dự bị; Chi bộ hoạt động theo Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội hoạt động theo quy định hiện hành [H1-1.3-09], [H1-1.3-10].

Chi bộ Trường Lê Thành Công bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, lãnh đạo nhà trường đạt được các nhiệm vụ đề ra. Trong giai đoạn từ năm 2023 đến năm 2027, Chi bộ Trường Lê Thành Công có thay đổi nhân sự và đã kịp thời kiện toàn tổ chức nhằm đảm bảo hoạt động theo quy định và luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao [H1-1.3-10].

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có 2 năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, các năm còn lại đạt thành tích hoàn thành tốt nhiệm vụ.

b) Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong nhà trường không ngừng nỗ lực thực hiện nhiệm vụ và có nhiều đóng góp tích cực trong hoạt động đoàn thể các cấp và hoạt động chung của nhà trường mang lại nhiều kết quả [H1-1.3-11].

Mức 3

a) Từ năm 2017 đến nay, Chi bộ Trường Lê Thành Công đạt từ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Trong đó, năm 2020 chi bộ đạt hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, các năm còn lại chi bộ đạt thành tích “hoàn thành tốt nhiệm vụ”. Năm học 2018 - 2019, chi bộ được Huyện ủy Nhà Bè tuyên dương gương điển hình thực hiện tốt “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh” [H1-1.3-12].

b) Các đoàn thể, tổ chức xã hội tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động nhằm đạt mục tiêu đã đề ra, đảm bảo tính hiệu quả và nhiều năm liên hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao. Năm 2017, 2018 công đoàn được Liên đoàn lao động huyện Nhà Bè công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, năm 2019

được nhận Cờ thi đua thành phố hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; năm 2020, 2021 được Liên đoàn lao động huyện công nhận Công đoàn vững mạnh. Đội TNTP Hồ Chí Minh nhận được Bằng khen của Thành Đoàn Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2019 - 2020 và năm học 2020 - 2021 [H1-1.3-11]. Ban chấp hành Chi đoàn giáo viên năng nổ, tham gia tốt, tích cực các hoạt động phong trào do xã đoàn, huyện đoàn phát động. Chi hội Khuyến học có đóng góp hiệu quả trong hoạt động của Hội Khuyến học xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè; Chi hội Chữ thập đỏ làm tốt công tác xã hội, công tác vận động hiến máu tình nguyện. Tuy nhiên, đoàn viên tham gia các hoạt động tại địa phương còn hạn chế do bận công tác giảng dạy [H1-1.3-13].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các tổ chức đoàn thể, tổ chức xã hội và hoạt động theo đúng quy định, đạt nhiều thành tích.

Chi bộ Trường Lê Thành Công lãnh đạo và bảo đảm nguyên tắc thống nhất và đồng bộ để hội đồng trường, các đoàn thể, tổ chức xã hội hoạt động trong nhà trường. Các đoàn thể, các tổ chức xã hội nhiều năm liền hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

3. Điểm yếu

Chi Đoàn tuy có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường, nhưng hoạt động còn dàn trải, chưa đi vào chiều sâu để mang lại hiệu quả cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023 - 2024, chi bộ tiếp tục lãnh đạo các tổ chức đoàn thể trong nhà trường thực hiện bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đoàn thể; khuyến khích, động viên và có chế độ tuyên dương, khen thưởng kịp thời nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động nhà trường và cộng đồng.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

a) Có Hiệu trưởng, số lượng Phó hiệu trưởng theo quy định;

- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;*
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;*
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.*

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;*
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

- a) Nhà trường có Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng đủ theo quy định của trường hạng II. Số lượng và cơ cấu cán bộ quản lý được đảm bảo theo quy định hiện hành [H1-1.4-01], [H1-1.4-02].

- b) Tổ chức của nhà trường gồm có 06 tổ chuyên môn (tổ Ngữ văn, tổ Sử - Địa - Giáo dục công dân, tổ Tiếng Anh, tổ Toán - Tin, tổ Lý - Hóa - Sinh, tổ Văn thể mỹ gồm các môn: Công nghệ, Âm nhạc, Mỹ thuật và Thể dục) và tổ văn phòng (gồm những bộ phận như văn thư - học vụ, y tế, kế toán, thủ quỹ - thu ngân, thư viện, công nghệ thông tin, thiết bị, bảo vệ, phục vụ) đủ theo quy định hiện hành [H1-1.4-03]. Mỗi tổ chuyên môn, tổ văn phòng đều có 01 tổ trưởng và 01 tổ phó điều hành (đảm bảo số lượng thành viên theo quy định), hướng dẫn các thành viên sinh hoạt chuyên môn, tổ chức hoạt động theo quy chế và tập hợp, đoàn kết các thành viên hoàn thành những mục tiêu đề ra.

- c) Vào đầu mỗi năm học, các tổ trưởng chuyên môn căn cứ vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của nhà trường để xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ về thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học và các hoạt động khác theo

năm học, tháng. Các tổ chuyên môn trong nhà trường bám sát sự chỉ đạo của cấp trên và kế hoạch của nhà trường để thực hiện nhiệm vụ theo Điều lệ trường trung học [H2-1.4-04].

Tổ văn phòng đã xây dựng kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ theo sự phân công của hiệu trưởng: Văn thư bảo quản an toàn-khoa học, phối hợp cùng giáo viên kiểm tra các loại hồ sơ theo quy định [H1-1.4-04]. Kế toán tài vụ quản lý tài chính, cập nhật thu chi đúng quy định. Nhân viên thiết bị, thư viện lập kế hoạch dự trù mua sắm, bổ sung thay thế những vật dụng hư hỏng hoặc tự làm thêm đồ dùng dạy học, giới thiệu sách, đồ dùng dạy học mới đến với giáo viên; quản lý, bảo trì thường xuyên tài sản do mình phụ trách. Nhân viên bảo vệ và phục vụ đảm bảo an toàn, an ninh, trật tự, phòng chống cháy nổ, bảo vệ tài sản, vệ sinh môi trường. Y tế chăm sóc sức khỏe cán bộ, giáo viên, học sinh, giáo dục thể chất; y tế trường học, kiểm tra vệ sinh môi trường, lập kế hoạch mua sắm thuốc y tế, quản lý hồ sơ y tế học đường [H1-1.7-04], [H1-1.4-05].

Mức 2

a) Từng tháng các tổ chuyên môn đăng ký thao giảng, chuyên đề theo kế hoạch định hướng hoạt động chuyên môn trọng tâm của nhà trường, nhằm đổi mới phương pháp dạy học cho phù hợp với xu thế hiện nay [H1-1.4-06].

b) Mỗi bộ môn định kỳ 02 lần/tháng đánh giá, rà soát và điều chỉnh phù hợp với thực tế, góp phần nâng chất lượng dạy học mang lại hiệu quả [H1-1.4-07]. Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng định kỳ tự kiểm tra, đánh giá theo kế hoạch chung của nhà trường để tư vấn, thúc đẩy nhằm đạt hiệu quả công tác, nhiệm vụ được giao [H1-1.4-08].

Mức 3

a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có sự phối hợp thường xuyên để hoàn thành các báo cáo, đánh giá, thống kê đúng tiến độ, góp phần nâng cao hiệu quả, chất lượng giáo dục chung của nhà trường [H1-1.4-09]. Tuy nhiên, tổ văn phòng chưa đảm bảo số lượng nhân sự - nhân viên bảo vệ nên trong công việc chưa có sự chủ động cao.

b) Các tổ chuyên môn có các tiết chuyên đề, thao giảng cấp huyện ứng dụng các phương pháp dạy học mới có hiệu quả, góp phần tích cực trong đổi mới trong dạy học, phù hợp với định hướng giáo dục toàn diện ở trường học trong giai đoạn hiện nay [H1-1.4-06], [H1-1.4-10].

2. Điểm mạnh

Cơ cấu tổ chức của nhà trường cơ bản ổn định, hoạt động hiệu quả không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục chung của nhà trường. Cán bộ quản lý có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý nhà trường. Các tổ chuyên môn thực hiện đều đặn các tiết thao giảng, chuyên đề theo đúng định hướng chuyên môn trọng tâm của nhà trường từng năm học được đánh giá tốt.

3. Điểm yếu

Nhân sự bảo vệ còn thiếu, thay đổi liên tục nên dẫn đến chưa mang lại sự chủ động cho hoạt động nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023 - 2024, nhà trường tiếp tục đề xuất tuyển nhân viên bảo vệ nhằm đảm bảo nhân sự để công việc hiệu quả hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.5: Lớp học

Mức 1:

- a) Có đủ các lớp của cấp học;*
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;*
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.*

Mức 2:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có). Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường có đủ các lớp của cấp học trung học cơ sở gồm 4 khối lớp 6, 7, 8, 9; mỗi khối lớp dao động từ 6 đến 8 lớp, mỗi năm các lớp học đều tăng và tất cả các lớp đều hoạt động 100% theo mô hình 02 buổi/ngày [H1-1.5-01].

b) Năm học 2023 - 2024, nhà trường có 29 lớp học riêng biệt, trong đó khối 6 có 9 lớp, khối 7 có 8 lớp, khối 8 có 5 lớp, khối 9 có 7 lớp. Lớp học được tổ chức theo quy định hiện hành, được sắp xếp phòng học cố định từ tầng trệt đến tầng 2 theo tình hình mỗi năm học [H1-1.5-02].

c) Đảm bảo theo quy định về tổ chức lớp học tự quản, dân chủ: Mỗi lớp có ban cán sự lớp (lớp trưởng, các lớp phó, các tổ trưởng) hoạt động thống nhất theo nguyên tắc tự quản, dân chủ và do giáo viên chủ nhiệm quản lý thống nhất, bàn bạc, trao đổi với học sinh của lớp [H1-1.5-03].

Mức 2

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3

Số lớp của trường không quá 45 lớp. Từ năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2022 - 2023, 2023 - 2024 số lượng học sinh trên lớp chưa đảm bảo theo chuẩn không quá 40 học sinh/lớp là do yếu tố khách quan về phân bổ chỉ tiêu tuyển sinh và việc học các lớp tăng cường Tiếng Anh ở bậc tiểu học [H1-1.5-01], [H1-1.5-04], [H1-1.5-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường tổ chức được 100% học sinh các lớp học 02 buổi/ngày theo định hướng của Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè.

3. Điểm yếu

Trong 05 năm qua, có 04 năm (2019 - 2020, 2020 - 2021, 2022 - 2023, 2023 - 2024) sĩ số học sinh chưa đảm bảo theo chuẩn 40 học sinh/lớp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023 - 2024 hiệu trưởng sẽ đề xuất phòng Giáo dục và Đào tạo huyện tham mưu Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè xây dựng thêm phòng học nhằm tạo điều kiện cho trường đảm bảo số học sinh của mỗi lớp học đúng với sĩ số theo quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

- a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;*
- b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;*
- c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.*

Mức 2:

- a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;*
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.*

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

- a) Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, các bộ phận của nhà trường đều lưu trữ hồ sơ theo quy định của Luật lưu trữ hiện hành. Nhân viên văn thư và các bộ phận khối hành chính quản lý và lưu trữ hồ sơ, văn bản phục vụ cho hoạt động giáo dục. Tuy nhiên với số lượng hồ sơ nhiều mà diện tích kho lưu trữ hạn chế nên việc lưu trữ có gặp khó khăn: Hồ sơ cán bộ, giáo viên, nhân viên; Sổ

Gọi tên và ghi điểm; Sổ Đăng bộ; Sổ Quản lý, cấp phát văn bằng; Sổ Theo dõi học sinh chuyển đến, chuyển đi; Học bạ; Sổ Ghi đầu bài; Hồ sơ lưu trữ công văn đi, đến; Sổ theo dõi sức khỏe giáo viên; Đối với giáo viên: Kế hoạch giáo dục cá nhân [H1-1.6-01], [H1-1.6-02], [H1-1.6-03], [H1-1.6-04], [H1-1.6-05], [H1-1.6-06], [H1-1.6-07], [H1-1.6-08], [H1-1.6-09], [H1-1.6-10].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán [H1-1.6-11]. Hằng năm, Hiệu trưởng chỉ đạo bộ phận kế toán tham mưu và lập dự toán, thực hiện thu chi theo quy định tài chính hiện hành [H1-1.6-12]. Định kỳ, thực hiện quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định [H1-1.6-13].

Cùng với Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, quy chế chi tiêu nội bộ được rà soát, đề xuất bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế nhà trường và tuân theo các quy định hiện hành [H1-1.6-14].

c) Công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích, phục vụ các hoạt động giáo dục của nhà trường. Hằng năm, Hiệu trưởng lập dự toán, đề xuất và trích lập đầy đủ các nguồn quỹ để được cấp thẩm quyền phê duyệt, được công khai và thu chi đúng mục đích, đúng quy định [H1-1.6-12], [H1-1.6-15].

Mức 2

a) Các bộ phận trong nhà trường thường xuyên ứng dụng công nghệ thông tin và các phần mềm điện tử trong quản lý và thực hiện nhiệm vụ có hiệu quả [H1-1.6-16].

b) Từ năm 2017 đến nay, nhà trường không có xảy ra vi phạm liên quan đến quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán [H1-1.6-11].

Mức 3

Nhà trường chưa xây kế hoạch trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

2. Điểm mạnh

Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính, tài sản của nhà trường được quan tâm và triển khai thực hiện tốt ở các bộ phận.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa xây kế hoạch trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong những năm tiếp theo, bộ phận kế toán tham mưu giúp Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch tài chính trung hạn, dài hạn để tạo nguồn dài hạn cho hoạt động giáo dục của nhà trường góp phần hiệu quả thực hiện việc dự toán.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Theo báo cáo và thống kê chất lượng đội ngũ để mỗi năm học, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên, nhân viên trong dịp hè hoặc vào đầu năm học thông qua việc tham mưu với Phòng Giáo dục và Đào tạo, Trường Bồi dưỡng Giáo dục huyện mở lớp để cử giáo viên, nhân viên theo học; mời giảng viên hoặc giáo viên có kiến thức và kinh nghiệm về nội dung chuyên đề bồi dưỡng để tập huấn phương pháp giảng dạy và

những năng lực cần thiết cho giáo viên như: dạy học theo dự án, thiết kế bài dạy trên bảng tương tác ActivInspire, sử dụng kỹ thuật dạy học tích cực, dạy học theo định hướng STEM. Sau mỗi đợt tập huấn, giáo viên thực hiện sản phẩm và được giảng viên tập huấn trực tiếp đánh giá [H1-1.7-01]. Bên cạnh đó, định kỳ hoặc theo chu kỳ bồi dưỡng, nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ, Hiệu trưởng cử cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tham gia những lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ được Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức. Hằng năm, đội ngũ nhà trường đã và đang tham gia học tập, nâng cao trình độ đào tạo đều tăng. So với năm 2017 cho đến nay, tăng 03 giáo viên đạt trình độ đại học; 05 cán bộ, giáo viên đang theo học trình độ thạc sĩ; 01 giáo viên bộ môn Tiếng Anh có trình độ B2 theo yêu cầu chuyên môn; nâng trình độ đội ngũ đạt chuẩn là 33/36 giáo viên (đạt tỷ lệ 91,67%) [H1-1.7-02]. Do việc mở các lớp đào tạo nâng chuẩn ở một số bộ môn (Lịch sử, Giáo dục công dân) còn hạn chế nên việc đăng kí học nâng chuẩn của giáo viên chưa đúng tiến độ theo kế hoạch. Nhà trường luôn tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ kinh phí cho hoạt động nâng cao chất lượng đội ngũ.

b) Dựa trên năng lực của mỗi giáo viên, Hiệu trưởng phân công, sử dụng cán bộ quản lý, tổ trưởng các tổ, nhóm trưởng các bộ môn hợp lý nhằm thống nhất nhiệm vụ, trách nhiệm và đảm bảo công tác phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ trong nhà trường. Phó hiệu trưởng phân công dạy học cho giáo viên và giao thẩm quyền quản lý, sinh hoạt chuyên môn của mỗi tổ, nhóm bộ môn [H1-1.7-03], [H1-1.7-04].

c) Cán bộ quản lý được phân công nhiệm vụ và quyền hạn để thực thi quản lý nhà trường [H1-1.7-03]. Các tổ chuyên môn, các bộ phận của tổ văn phòng được quy định rõ về nhiệm vụ thường xuyên trong thực thi công việc và phối hợp thực hiện nhiệm vụ, yêu cầu giáo dục trong nhà trường và những nhiệm vụ, yêu cầu khác do Hiệu trưởng giao [H1-1.7-05]. Bên cạnh đó, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên luôn được phân quyền, phân nhiệm hợp lý đồng thời được đảm bảo các quyền theo quy định trong thực hiện quy chế nhà trường và phát huy thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

Mức 2

Hiệu trưởng thống nhất, công khai, quyết định về kinh phí hỗ trợ công tác nâng cao chất lượng đội ngũ hàng năm như cử và hỗ trợ kinh phí cho giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, trang bị các phần mềm ứng dụng cho các bộ phận hành chính [H1-1.7-01]. Đồng thời, tạo điều kiện về thời gian để đội ngũ được bồi dưỡng, đào tạo trình độ, nghiệp vụ, hướng đến hoàn thành mục tiêu về tỷ lệ đội ngũ đạt chuẩn là 100%; tham gia tích cực các lớp bồi dưỡng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học cho đội ngũ [H1-1.7-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường luôn khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để giáo viên tham gia các lớp học nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ. Tỷ lệ đội ngũ cán bộ, giáo viên đạt chuẩn hiện nay cao (tỷ lệ 91,67%).

3. Điểm yếu

Do việc mở các lớp đào tạo nâng chuẩn ở một số bộ môn còn hạn chế nên việc đăng kí học nâng chuẩn của giáo viên chưa đúng tiến độ theo kế hoạch.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023 - 2024, Hiệu trưởng có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

- a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;
- b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;
- c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Từng năm học, nhà trường thông qua lấy ý kiến của các tổ chuyên môn, các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch giáo dục theo định hướng của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nhà Bè với các nhiệm vụ trọng tâm, kế hoạch được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nhà Bè duyệt hằng năm vào tháng 8 đến tháng 9 [H1-1.8-01]. Từ đó, các tổ chuyên môn, các bộ phận hoàn chỉnh các kế hoạch, thống nhất nhiệm vụ trọng tâm, hệ thống chỉ tiêu của từng năm học.

b) Các kế hoạch giáo dục được phổ biến và tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ ở các tổ chuyên môn và bộ phận trong nhà trường; kế hoạch ngoài giờ lên lớp, kế hoạch hướng nghiệp, kế hoạch giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật, kế hoạch hoạt động trải nghiệm [H1-1.8-02], [H1-1.8-03], [H1-1.8-04], [H1-1.8-05].

c) Kế hoạch giáo dục của nhà trường được tổ trưởng, nhóm trưởng rà soát, lồng ghép những nội dung tích hợp, liên hệ thực tiễn. Tùy theo tình hình, điều kiện, năng lực mà giáo viên chủ động, linh hoạt điều chỉnh thời lượng, chủ đề để thực hiện quá trình dạy học sao cho hiệu quả nhất.

Định kỳ trong các buổi sinh hoạt chuyên môn, mỗi bộ môn đánh giá, thống nhất tiến độ thực hiện khung chương trình có điều chỉnh theo tình hình thực tế. Đồng thời, tăng cường những chủ đề, nội dung mang tính thực tiễn trong cuộc sống theo hướng dẫn nội dung sinh hoạt nhóm chuyên môn.

Mức 2

Đầu năm học, nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện chuyên đề cho các bộ môn, các tổ đăng ký lịch thao giảng hằng tháng theo quy định [H1-1.4-06]. Cán bộ quản lý phân công kiểm tra, đánh giá hoạt động của các tổ, đồng thời phân công tổ trưởng kiểm tra, đánh giá đối với các hoạt động giáo dục theo kế hoạch đã thống nhất. Giáo viên thực hiện dự giờ, thao giảng, chuyên đề thống nhất theo kế hoạch đã đề ra [H1-1.4-06], [H1-1.4-07]. Tuy nhiên, chuyên đề của một số tổ bộ môn chưa áp dụng vào thực tế nhiều lớp.

Trường hoạt động theo mô hình 02 buổi/ngày nên không tổ chức dạy thêm, học thêm trong nhà trường. Tuy nhiên, vào mỗi buổi họp hội đồng sư phạm, Hiệu trưởng thường xuyên quán triệt về Thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quyết định của Sở Giáo dục và Đào tạo về dạy thêm, học thêm cho cán bộ, giáo viên, nhân viên để có nhận thức và thực hiện đúng quy định pháp luật [H1-1.8-06].

2. Điểm mạnh

Kế hoạch giáo dục của nhà trường được xây dựng hoàn chỉnh phù hợp với tình hình, điều kiện của nhà trường và địa phương. Công tác kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục cơ bản được đảm bảo. Kết quả thực hiện giáo dục được đánh giá đầy đủ và mang lại hiệu quả giáo dục nhất định.

3. Điểm yếu

Một số tổ bộ môn chưa kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện chuyên đề dẫn đến nội dung một số chuyên đề chưa áp dụng vào thực tế nhiều lớp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng chỉ đạo tiếp tục xây dựng hoàn chỉnh kế hoạch giáo dục của nhà trường phù hợp tình hình điều kiện nhà trường và địa phương, phát huy kết quả đã có. Tăng cường công tác kiểm tra đánh giá việc thực hiện chuyên đề ở các tổ bộ môn

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường xây dựng và thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở tại đơn vị [H1-1.2-07]. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch năm học, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường như xây dựng kế hoạch năm học, quy chế thi đua khen thưởng, quy chế thi đua chi tiêu nội bộ của trường [H1-1.9-01], [H1-1.9-02].

b) Những khiếu nại, kiến nghị, phản ánh trực tiếp hoặc gián tiếp thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường đều được giải quyết hợp lý, đúng pháp luật [H1-1.9-02].

c) Hằng năm, Hiệu trưởng tổ chức các kỳ họp hội đồng sư phạm, 02 buổi đối thoại với học sinh để kịp thời nắm bắt tình hình. Đồng thời, đánh giá điểm mạnh để tiếp tục phát huy hiệu quả và xác định hạn chế để kịp thời có biện pháp khắc phục, hoàn thiện hơn [H1-1.9-03].

Mức 2

Hiệu trưởng và Ban chấp hành Công đoàn thống nhất chương trình, kế hoạch hoạt động, kiểm tra, giám sát tại nhà trường. Ban thanh tra nhân dân phối kết hợp với Ban chấp hành Công đoàn, các đoàn thể khác thực hiện việc giám sát hoạt động của nhà trường, nhiệm vụ của Hiệu trưởng theo kế hoạch, theo chuyên đề [H1-1.9-04].

Thông qua hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở tiếp tục được đảm bảo công khai, minh bạch. Tất cả hoạt động của nhà trường thông qua việc triển khai và tập hợp ý kiến rộng rãi trong các tổ chuyên môn, tổ văn phòng, hội đồng sư phạm nhà trường [H1-1.9-01]. Tuy nhiên, việc thay đổi về nhân sự Ban chấp hành Công đoàn, Ban Thanh tra nhân dân trong năm gần đây có phần hạn chế về kinh nghiệm xử lý thông tin và thiếu kinh nghiệm trong giải đáp, xử lý thông tin và nắm bắt dư luận xã hội [H1-1.9-

04].

2. Điểm mạnh

Việc thực hiện quy chế dân chủ ở nhà trường được chú trọng và tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành, không có khiếu nại, tố cáo và đạt hiệu quả cao.

3. Điểm yếu

Việc phát huy thực hiện dân chủ ở nhà trường tuy được thể hiện tích cực nhưng lại hạn chế về kinh nghiệm xử lý thông tin và thiếu kinh nghiệm trong giải đáp do tình hình thay đổi nhân sự trong năm gần đây.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Các năm học tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục tổ chức thảo luận, đối thoại để từ đó huy động, tiếp thu ý kiến và đề ra các giải pháp công khai và giải đáp thắc mắc, những phản ánh hợp lý, chính đáng của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

Hiệu trưởng tổ chức, cử chọn giáo viên, nhân viên tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng dành cho Ban chấp hành Công đoàn, Ban thanh tra nhân dân, lực lượng cần thiết khác nhằm thực hiện tốt trách nhiệm, nắm bắt thông tin và giải đáp kịp thời dư luận xã hội.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Hiệu trưởng có thành lập các Ban chỉ đạo bảo đảm an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh,... và xây dựng kế hoạch phù hợp với nhiệm vụ cụ thể nhằm đảm bảo trường học an toàn, an ninh trật tự; đảm bảo công tác vệ sinh an toàn thực phẩm; thực hiện phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-01], [H1-1.10-02], [H1-1.10-03], [H1-1.10-04]. Nhà trường có bếp ăn tập thể để phục vụ bán trú, có đầy đủ hồ sơ về kinh doanh, hồ sơ đảm bảo về vệ sinh, an toàn thực phẩm [H1-1.10-05].

b) Nhà trường có hộp thư góp ý để học sinh thể hiện ý kiến, nguyện vọng với nhà trường; đồng thời số điện thoại cán bộ quản lý được niêm yết trên cổng thông tin điện tử, trước cổng trường giúp cha mẹ học sinh liên lạc, trao đổi thông tin dễ dàng, tạo điều kiện thuận lợi trong phối hợp giáo dục học sinh [H1-1.10-06]. Công tác tiếp xúc công dân được nhà trường quan tâm nhằm kịp thời tiếp thu xử lý và hoàn thiện hợp lý, cải tiến hoạt động ở nhà trường [H1-1.9-02].

c) Trong nhà trường, không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới. Nếu học sinh có hành vi, ứng xử không phù hợp thì được bộ phận giám thị, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên, học sinh báo cáo và xử lý kịp thời. Ngoài ra, nhà trường tạo điều kiện thuận lợi để từng bước hoàn thiện hơn về công tác giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật ở nhà trường trong điều kiện tốt nhất [H1-1.10-07].

Mức 2

a) Trong các buổi họp Hội đồng sư phạm hoặc sinh hoạt dưới cờ, nhà trường thường xuyên quán triệt và phổ biến cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh về tình hình an toàn trường học, an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-02]. Về an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích, nhà trường có phối hợp với cảnh sát phòng cháy chữa cháy của huyện để tổ chức tập huấn, diễn tập an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai [H1-1.10-04], [H1-1.10-05], [H1-1.10-08]. Từ đó, các đoàn thể và giáo viên chủ nhiệm chủ động phối hợp hướng dẫn, tổ chức thực hiện công tác đảm bảo an toàn cho giáo viên, học sinh trong nhà trường, ứng phó từng tình huống thích hợp.

b) Nhà trường phối hợp với công an địa phương đảm bảo an ninh trật tự trường học [H1-1.10-02]. Công tác phối hợp kịp thời phát hiện những biểu hiện hành vi, ứng xử không hay ngoài nhà trường để ngăn ngừa và giáo dục cho học sinh những kỹ năng cần thiết nhằm đảm bảo an toàn trường học, an ninh trật tự tại địa phương.

Bộ phận giám thị thường xuyên phối hợp với giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn trong việc quản lý, giáo dục học sinh chưa chăm ngoan, kịp thời phối hợp với gia đình học sinh để thông tin và giải quyết sự việc nếu có. Đối với những học sinh chưa chăm ngoan, vi phạm kỷ luật đều được nhà trường xem xét xử lý, giáo dục phù hợp. Tuy nhiên, vẫn còn một số ít cha mẹ học sinh không quan tâm, thiếu hợp tác để phối hợp giáo dục học sinh.

2. Điểm mạnh

Tình hình an toàn trường học, an ninh trật tự được duy trì tốt. Công tác phối hợp giữa nhà trường với Ban chỉ đạo an toàn trường học, với địa phương, với gia đình học sinh được kiểm soát chặt chẽ.

3. Điểm yếu

Vẫn còn một số ít cha mẹ học sinh chưa hợp tác với nhà trường để phối hợp giáo dục học sinh toàn diện hơn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023 - 2024, Hiệu trưởng tiếp tục phối hợp với các bộ phận liên quan để thường xuyên kiểm soát an toàn, trật tự trong trường học. Tăng cường tuyên truyền, vận động và nâng cao công tác tiếp công dân đối với bộ phận giám thị, giáo viên chủ nhiệm; nâng cao trách nhiệm giáo dục toàn diện học sinh giữa nhà trường và cha mẹ học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

- Điểm mạnh nổi bật

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, Ban đại diện cha mẹ học sinh và các tổ chức xã hội khác của nhà trường hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ trường trung học, quy định của pháp luật và luôn đạt được những thành tích cao trong nhiều năm.

Nhà trường có cơ cấu tổ chức phù hợp với quy định của Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Nhà trường xây dựng đầy đủ kế hoạch hoạt động, quy chế, cơ chế phối hợp, phương án thực hiện phù hợp với tình hình, điều kiện của nhà trường và địa phương.

Chiến lược phát triển nhà trường phù hợp với kế hoạch chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và chỉ tiêu phấn đấu chung của ngành giáo dục huyện Nhà Bè.

Nhà trường thực hiện tốt việc công khai tại đơn vị theo đúng hướng dẫn công khai chất lượng giáo dục và tài chính. Tình hình an ninh trật tự, đảm bảo an toàn trường học đã được nhà trường quan tâm và thực hiện tốt.

- Điểm yếu cơ bản

Sĩ số học sinh chưa đảm bảo theo quy định.

Trường chưa có kế hoạch trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

Nhà trường còn hạn chế trong việc hỗ trợ kinh phí đào tạo nâng chuẩn chuyên môn đối với giáo viên chưa đạt trình độ đào tạo trên chuẩn như mục tiêu hướng đến, chưa đáp ứng tỷ lệ đội ngũ đạt trên chuẩn đề ra.

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10.

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/10.

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu

Đội ngũ cán bộ giáo viên, nhân viên trong nhà trường là lực lượng giáo dục quan trọng có tính chất quyết định hiệu quả hoạt động Giáo dục của nhà trường. Hoạt động của mỗi cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên đều góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục của nhà trường.

Cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức trong sáng, lành mạnh, có trình độ chuyên môn vững vàng, có kinh nghiệm giảng dạy và tư vấn cho đội ngũ trên tất cả mọi lĩnh vực, tận tụy, nhiệt huyết với công việc. Số lượng giáo viên, nhân viên của trường đảm bảo yêu cầu quy định và đều được đào tạo chuyên môn phù hợp với công tác được giao. Nhiều thầy cô đạt giáo viên dạy giỏi cấp huyện, có uy tín với học sinh và nhân dân địa phương.

Phát triển chất lượng đội ngũ cán bộ, viên chức vừa là động lực, vừa là mục tiêu để hoạt động giáo dục của nhà trường được thực hiện đồng bộ; đảm bảo chất lượng giáo dục của nhà trường; đáp ứng yêu cầu giáo dục toàn diện cho học sinh có chất lượng giáo dục cao, có uy tín tại địa phương, đáp ứng yêu cầu mới trong thời kỳ hội nhập, quốc tế hóa ngày càng cao.

Nội bộ nhà trường đoàn kết, đồng thuận cao và không ngừng phát triển. Tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nêu cao tinh thần tương thân tương ái, giúp đỡ, hỗ trợ, chia sẻ lẫn nhau những khó khăn trong công tác cũng như trong cuộc sống. Điều đó thúc đẩy hoạt động giáo dục của nhà trường ngày càng vững mạnh.

Học sinh đáp ứng yêu cầu theo quy định của Điều lệ trường trung học và quy định của pháp luật.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*
- b) Được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng trở lên;*
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.*

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Hiệu trưởng nhà trường tốt nghiệp Thạc sĩ - chuyên ngành Tiếng Anh có thâm niên 19 năm công tác [H2-2.1-01]. Từ năm 2000 đến năm 2010 là giáo viên công tác tại Trường Trung học cơ sở Hai Bà Trưng, từ năm 2010 đến năm 2017 được bổ nhiệm làm Phó hiệu trưởng Trường Trung học cơ sở Nguyễn Bình Khiêm, từ năm 2017 đến nay bổ nhiệm làm Hiệu trưởng Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công [H1-1.4-01].

Phó hiệu trưởng nhà trường tốt nghiệp Đại học Sài Gòn - chuyên ngành Ngữ văn thâm niên công tác 18 năm [H2-2.1-02]. Từ năm 2004 đến năm 2016 là giáo viên Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quỳ, từ năm 2017 đến nay làm Phó hiệu trưởng Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công có đủ năng lực đảm nhiệm các nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công [H1-1.4-02].

b) Cuối mỗi năm học, 100% cán bộ quản lý đều được lấy ý kiến, đánh giá từ giáo viên, nhân viên để đánh giá chuẩn Hiệu trưởng theo quy định. Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng đều được đánh giá theo quy định của Thông tư 14/2018/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 20 tháng 7 năm 2018 Quy định chuẩn Hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông, quy định chuẩn Hiệu trưởng trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường trung học phổ thông có nhiều cấp học. Kết quả đánh giá xếp loại đạt từ khá trở lên [H2-2.1-03], [H2-2.1-04].

c) Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng nhà trường được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định. Cụ thể, Hiệu trưởng đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng Hiệu trưởng Trung học cơ sở, Phó hiệu trưởng hoàn thành lớp Bồi dưỡng cán bộ quản lý trường phổ thông [H2-2.1-05], [H2-2.1-06]. Tuy nhiên việc sử dụng ngoại ngữ của Phó hiệu trưởng chưa thành thạo.

Mức 2

a) Trong 05 năm liên tiếp, cán bộ quản lý đều được đánh giá chuẩn Hiệu trưởng là đạt mức tốt [H2-2.1-04], [H2-2.1-07].

b) Tất cả cán bộ quản lý của nhà trường đều có trình độ Trung cấp lý luận chính trị, tham gia khá đầy đủ các lớp tập huấn về nghề nghiệp, chuyên môn [H2-2.1-08], [H2-2.1-09], [H2-2.1-10], [H2-2.1-11], [H2-2.1-12], [H2-2.1-13]. Cán bộ quản lý được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm cao trong các kỳ lấy phiếu tín nhiệm [H2-2.1-14].

Mức 3

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, cán bộ lãnh đạo nhà trường đều được đánh giá đạt mức tốt [H2-2.1-04], [H2-2.1-07].

2. Điểm mạnh

Cán bộ quản lý luôn được sự tín nhiệm cao của đội ngũ giáo viên, nhân viên và được lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo đánh giá cao trong công tác quản lý nhà trường. Cán bộ quản lý được đánh giá đạt mức tốt.

3. Điểm yếu

Khả năng sử dụng thành thạo ngoại ngữ của phó hiệu trưởng vẫn còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023 - 2024 và các năm học tiếp theo, Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng tiếp tục đổi mới, sáng tạo trong công tác quản lý, điều hành hoạt động của nhà trường, chủ động tự học, tự bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ bản thân; đồng thời Hiệu trưởng tạo điều kiện thuận lợi, động viên cho cán bộ quản lý tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ để đảm bảo theo quy định của công tác quản lý nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

- a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;*
- b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;*
- c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.*

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;*
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;*
- c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học;*

trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Từ năm 2017 đến tháng 1 năm 2023, số lượng biên chế nhà trường tăng từ 9 đến 36 giáo viên. Năm học 2022 - 2023 có 36 giáo viên, năm học 2023 – 2024 có 39 giáo viên. Theo Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn định mức biên chế viên chức ở các cơ sở giáo dục phổ thông công lập, trong các năm học trước, nhà trường thiếu giáo viên các môn Lịch sử - Địa lý, Tiếng Anh, Tin học, Công nghệ, Ngữ văn,... Hiệu trưởng đã thực hiện hợp đồng với giáo viên thỉnh giảng, xin biên chế giáo viên từng năm để đáp ứng nhu cầu thực tế. Từ tháng 5 năm 2023 đến nay, nhà trường kịp thời đăng ký tuyển dụng, bổ sung giáo viên theo tình hình số lớp học tăng thêm. Tổng số biên chế giáo viên hiện có 39 người, cơ bản đáp ứng việc thực hiện chương trình giáo dục theo Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về định mức người làm việc trong cơ sở giáo dục phổ thông công lập [H2-2.2-02]. Tuy nhiên, xét theo bộ môn, nhà trường vẫn còn thiếu giáo viên bộ môn Ngữ văn, Lịch sử - Địa lý, Tiếng Anh, Tin học, Công nghệ nên nhà trường đã chủ động hợp đồng thỉnh giảng để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ chuyên môn trong nhà trường.

b) Trường có 80% giáo viên đạt chuẩn trình độ chuyên môn. Từ tháng 9 năm 2023, nhà trường có 25/39 giáo viên (tỷ lệ 73%) đạt chuẩn trình độ chuyên

môn [H2-2.2-01].

c) Cuối mỗi năm học, nhà trường tổ chức đánh giá, xếp loại giáo viên theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông theo quy trình giáo viên tự đánh giá, đồng nghiệp trong tổ tham gia đánh giá và Hiệu trưởng đánh giá. Kết quả 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên loại khá trở lên [H2-2.2-03].

Mức 2

a) Từ năm 2023 đến nay, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ chuyên môn tăng dần. Tính từ năm 2023 đến nay, có 05 giáo viên hoàn thành trình độ đại học và có 05 giáo viên tham gia chương trình đào tạo sau đại học góp phần nâng cao chất lượng giáo viên đạt trên chuẩn qua các năm, tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn có tăng qua các năm [H2-2.2-01].

b) Hằng năm, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp; trong đó, 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên từ mức khá trở lên theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 7 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông [H2-2.2-01].

c) Đa số giáo viên có khả năng tư vấn hướng nghiệp, tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh [H1-1.8-03]. Đặc biệt, lực lượng giáo viên chủ nhiệm khối lớp 8, khối lớp 9 còn đảm nhiệm công tác định hướng, tư vấn phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp cấp trung học cơ sở [H1-1.8-03]. Từ năm 2023 đến nay, công tác tư vấn cho học sinh và cha mẹ học sinh đạt hiệu quả khả quan, tỷ lệ học sinh được định hướng học nghề đạt khoảng 20-23% góp phần quan trọng trong định hướng phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở và nhu cầu thực tế của học sinh trong các kỳ tuyển sinh vào lớp 10 của các trường trung học phổ thông [H2-2.4-07], [H2-2.2-04]. Nhà trường luôn thuộc nhóm đầu của huyện về tỷ lệ học sinh đầu vào các trường trung học phổ thông công lập [H2-2.4-06]. Từ năm 2023 đến nay, nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật [H2-2.2-05].

Mức 3

a) Trong 05 năm liên tiếp tính tới thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên, trong đó đạt mức tốt đạt từ 85,7% trở lên [H2-2.2-03].

b) Nhà trường có 05 giáo viên báo cáo sản phẩm nghiên cứu khoa học cấp huyện và đạt kết quả cấp thành phố. Tuy nhiên, kết quả đạt được ở cấp thành phố các năm chưa đồng đều [H2-2.2-06], [H2-2.2-07].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ giáo viên tư vấn, hướng nghiệp hiệu quả góp phần vào thành tích chung trong giáo dục ở nhà trường. Đa số giáo viên có khả năng tổ chức tốt các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh và có khả năng hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học.

3. Điểm yếu

Nhà trường có số lượng, cơ cấu giáo viên chưa đầy đủ và chưa đồng đều ở các bộ môn theo Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023 - 2024 và các năm học tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục động viên, tạo điều kiện cho giáo viên thực hiện tốt hơn nữa các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh và hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học; tham mưu với lãnh đạo cấp trên về công tác tuyển dụng giáo viên cho đủ số lượng và có chất lượng để đáp ứng tốt cho hoạt động dạy học trong nhà trường..

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

- a) *Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;*
- b) *Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

Mức 3:

- a) *Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;*
- b) *Hàng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Tính đến tháng 9 năm 2023, nhà trường cơ bản có đủ số lượng nhân viên theo chức danh quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn định mức biên chế viên chức ở các cơ sở giáo dục phổ thông công lập [H2-2.2-01]. Từ năm 2023 đến năm 2024, có những năm tình hình nhân sự không ổn định hoặc còn thiếu nhưng Hiệu trưởng đã phân công giáo viên Khoa học tự nhiên kiêm nhiệm phòng Thực hành để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định. Tuy nhiên, nhà trường còn thiếu nhân viên bảo vệ.

b) Hàng năm, Hiệu trưởng phân công nhiệm vụ đầy đủ các bộ phận, phù hợp với mỗi vị trí việc làm như: kế toán, thủ quỹ, y tế, văn thư, thư viện, phục vụ, bảo vệ phù hợp với trình độ, phù hợp với vị trí việc làm theo quy định hiện hành. Đồng thời, chỉ đạo sự phối hợp thực hiện nhiệm vụ giữa các bộ phận với nhau [H1-1.7-04].

c) Hàng năm, căn cứ kết quả đánh giá, nhà trường có 100% nhân viên đạt mức hoàn thành nhiệm vụ trở lên [H2-2.3-01].

Mức 2

a) Số lượng, cơ cấu nhân viên theo vị trí việc làm đến năm 2024, nhà trường có 9 nhân viên ứng với các vị trí chức danh: kế toán, thủ quỹ, thư viện, công nghệ thông tin, bảo vệ, phục vụ theo quy định tại Điều lệ trường trung cơ sở, trường trung học phổ thông và trường trung học phổ thông có nhiều cấp học; đảm bảo tiến độ công việc được phân công theo đúng tiến độ và hiệu quả công

việc [H1-1.7-04].

Tuy nhiên, nhà trường còn thiếu nhân viên bảo vệ.

b) Trong 5 năm qua, nhà trường không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3

a) Trình độ nhân viên của các bộ phận phù hợp với vị trí việc làm từ trình độ trung cấp trở lên (văn thư, kế toán, y tế,...) [H1-1.6-01].

b) Định kỳ, nhà trường kịp thời cử nhân viên tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ tương ứng để nâng cao trình độ, nghiệp vụ trong thực hiện nhiệm vụ; ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý, thực hiện nhiệm vụ như quản lý tài chính, thư viện điện tử, hồ sơ điện tử quản lý cán bộ, công chức, viên chức, quản lý học vụ,... [H1-1.7-06].

2. Điểm mạnh

Nhân viên nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao đồng thời mỗi cá nhân không ngừng học tập ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện nhiệm vụ,

3. Điểm yếu

Một số vị trí việc làm còn thiếu theo quy định hiện hành như nhân viên bảo vệ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm 2023 - 2024, Hiệu trưởng căn cứ số lượng biên chế được giao tuyển dụng nhân viên ứng với những vị trí việc làm còn thiếu để kịp thời bổ sung cho tổ văn phòng.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

- a) *Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;*
- b) *Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;*
- c) *Được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Học sinh các khối lớp bảo đảm 100% về độ tuổi theo đúng quy định [H1-1.5-04].

b) Học sinh đều được sinh hoạt phổ biến và đảm bảo về thực hiện nhiệm vụ học tập, sinh hoạt theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, theo nội quy của nhà trường [H1-1.5-03].

c) Tất cả học sinh của trường được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều lệ trường trung học và các quy định khác của pháp luật. Cụ thể là các học sinh được quyền bày tỏ ý kiến nguyện vọng trong các tiết học, tiết sinh hoạt lớp, được đối thoại với cán bộ quản lý nhà trường [H2-2.4-01], [H2-2.4-02]. Tham gia hoạt động thể thao, văn nghệ; được giáo dục kỹ năng sống 1 tiết/tuần trên lớp và theo chuyên đề tổ chức dưới sân cò [H2-2.4-03]. Học sinh có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường và Ban đại diện Cha mẹ học sinh hỗ trợ, tạo điều kiện về vật chất, động viên về tinh thần để các em học tập tốt hơn thông qua việc khen thưởng vào sơ kết và tổng kết năm học [H2-2.4-04], [H2-2.4-05], [H2-2.4-06].

Mức 2

Nhà trường phát hiện kịp thời trường hợp học sinh vi phạm các hành vi không được làm thông qua sự giám sát của giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn, giám thị và phối hợp của Ban đại diện Cha mẹ học sinh [H1-1.5-03], [H2-2.4-07]. Đối với trường hợp học sinh vi phạm, nhà trường đã áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp, tạo điều kiện cho học sinh nhận thức lỗi sai và khắc phục khuyết điểm. Tuy nhiên, vẫn còn ít học sinh vi phạm kỷ luật như kết thành nhóm, vi phạm nội quy nhà trường,... đều được giám thị, giáo viên chủ nhiệm,

giáo viên bộ môn kịp thời phát hiện, phối hợp với cha mẹ học sinh giáo dục và xử lý theo quy định. Hầu hết học sinh đều nhận thức và có chuyển biến tích cực sau khi được nhà trường và gia đình phân tích về những hạn chế của học sinh và hướng dẫn giúp đỡ học sinh, để từ đó học sinh nhận thức trong hành động và thái độ để tiến bộ hơn.

Mức 3

Học sinh của trường nhiều năm liền đã nỗ lực rèn luyện và có nhiều em đạt thành tích trong các cuộc thi học sinh giỏi cấp huyện và học sinh giỏi cấp thành phố ở các bộ môn văn hóa như Ngữ văn, Vật lý, Lịch sử, Địa lý, Công nghệ,... và các hội thi năng khiếu như văn nghệ, thể dục thể thao,... Tất cả, các em đạt các giải thưởng được nhà trường tuyên dương, khen thưởng trong các buổi chào cờ đầu tuần hoặc các đợt: Lễ kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam, Sơ kết học kỳ, Tổng kết năm học. Điều này vừa khích lệ tinh thần học tập của học sinh đạt thành tích, vừa tạo động lực phấn đấu cho các học sinh còn lại. Từ đó, đẩy mạnh phong trào thi đua sôi nổi và tác động đến học sinh trong sinh hoạt và học tập trong những năm gần đây, số lượng học sinh tham gia, đăng ký học bồi dưỡng, rèn luyện tích cực [H2-2.4-05].

2. Điểm mạnh

Tất cả học sinh của trường được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều lệ trường trung học và các quy định khác của pháp luật. Tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh thực hiện nhiệm vụ và quyền trong sinh hoạt, học tập ở nhà trường theo đúng quy định.

3. Điểm yếu

Học sinh tham gia đội tuyển bồi dưỡng học sinh giỏi một số môn nhiều năm chưa đạt kết quả cấp thành phố như môn Tin học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023 - 2024, Hiệu trưởng chỉ đạo Phó hiệu trưởng chuyên môn có lộ trình bám sát giảng dạy, hỗ trợ giáo viên giảng dạy đạt hiệu quả.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

- Điểm mạnh nổi bật

Tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên có tinh thần đoàn kết, cầu tiến, hỗ trợ, chia sẻ những khó khăn trong công tác. Đội ngũ giáo viên có trình độ đào tạo từ đạt chuẩn trở lên, có năng lực chuyên môn cao, kinh nghiệm, nhiệt tình và theo kịp xu thế chung, có ý thức nâng cao trình độ, nghiệp vụ.

Học sinh đáp ứng yêu cầu theo quy định của Điều lệ trường trung học và quy định của pháp luật. Học sinh được đảm bảo các quyền như học tập, vui chơi, được tuyên dương khen thưởng, được xét nhận học bổng, trợ cấp, miễn giảm học phí theo đúng quy định. Nhà trường có nhiều học sinh có thành tích tốt trong học tập, tham gia tích cực các hoạt động của lớp, của nhà trường, của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh. Trong năm học nhiều học sinh đạt thành tích học sinh giỏi và học sinh tiên tiến.

- Điểm yếu cơ bản

Một số vị trí việc làm còn thiếu theo quy định hiện hành như nhân viên bảo vệ.

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 4/4.

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/4.

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu

Trong hệ thống tổ chức hoạt động nhà trường, cùng với nguồn nhân lực, cơ sở vật chất và trang thiết bị là điều kiện, phương tiện để hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động giáo dục của nhà trường. Điều kiện môi trường, phương tiện, trang thiết bị dạy học cần đáp ứng đầy đủ và không ngừng hoàn thiện, bảo trì, bổ sung kịp thời sẽ là nguồn lực về cơ sở vật chất để duy trì hoạt động giáo dục bền vững và đúng mục đích kế hoạch giáo dục.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập

Mức 1:

a) *Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;*

b) *Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh;*

c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3:

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất $6\text{m}^2/\text{học sinh}$; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất $10\text{m}^2/\text{học sinh}$; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Khuôn viên nhà trường thông thoáng, được trồng cây xanh; đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn nhằm tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường [H3-3.1-01].

b) Cổng trường có biển tên trường, có tường rào xung quanh cách biệt với khu vực dân cư, cổng trường thông thoáng kể cả giờ cao điểm đưa rước học sinh [H3-3.1-01].

c) Sân chơi có diện tích là 5.200m^2 đáp ứng đủ diện tích để học sinh vui chơi, có lưới che mát, ghế ngồi, cây xanh. Khu bãi tập có thiết bị luyện tập thể dục thể thao và đảm bảo an toàn cho học sinh học tập [H3-3.1-02], [H3-3.1-03].

Mức 2

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục, sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt chuyên đề, tập luyện và giáo dục thể chất cho học sinh trong các giờ học [H3-3.1-02], [H3-3.1-03]. Tuy nhiên, nhà trường chưa có nhà đa năng để học sinh tập luyện thể dục thể thao.

Mức 3

Trường thuộc khu vực nông thôn, diện tích bình quân: $11\text{m}^2/\text{học sinh}$ đạt yêu cầu. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích: 5.200m^2 trên 25% tổng diện tích sử dụng của trường đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

2. Điểm mạnh

Khuôn viên trường rộng lớn, sạch sẽ, thoáng mát, khu luyện tập thể dục thể thao đáp ứng nhu cầu tập thể dục của học sinh.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có nhà đa năng để học sinh tập luyện thể dục thể thao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023 - 2024, Hiệu trưởng tiếp tục tham mưu với Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nhà Bè để có nguồn kinh phí xây dựng nhà đa năng nhằm tạo sân chơi cho học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập

Mức 1:

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tâm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;

c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Khối phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Năm học 2023 - 2024, nhà trường sử dụng 29 phòng làm phòng học, đảm bảo 100% lớp học 2 buổi/ngày. Trong mỗi lớp, trang bị bảng từ viết phấn, có đầy đủ bàn ghế cho học sinh và giáo viên theo đúng quy định; có hệ thống cửa ra vào và cửa sổ hai bên, có đủ hệ thống đèn chiếu sáng, quạt, máy lạnh và ti

vi đảm bảo điều kiện ánh sáng và thông thoáng để học sinh học tập [H3-3.2-01].

b) Đáp ứng hoạt động chuyên môn, nhà trường có các phòng học bộ môn cần thiết như: phòng thí nghiệm, thực hành cho các bộ môn Khoa học tự nhiên, phòng Âm nhạc, 02 phòng Tin học và 04 phòng học được trang bị bảng tương tác, 01 phòng trang bị ti vi thông minh, 22 phòng học được trang bị ti vi có nối mạng internet sử dụng tổ chức phục vụ các buổi thao giảng, tổ chức chuyên đề, hoạt động giáo dục khác. Tuy nhiên, phòng bộ môn nhà trường vẫn chưa đảm bảo. Hệ thống phòng thực hành, thí nghiệm do không đủ phòng học nên đã được trưng dụng trong năm học 2022 - 2023 [H3-3.2-02].

c) Nhà trường chưa có phòng sinh hoạt Đội riêng biệt để học sinh sinh hoạt và giao lưu với nhau ngoài những giờ học tập ở lớp (phòng sinh hoạt Đội chung với phòng truyền thống); có phòng giáo viên để tổ chức các buổi sinh hoạt, hội họp khi cần thiết [H3-3.2-03].

Thư viện của nhà trường được bố trí ở tầng trệt rộng rãi, thoáng mát, đạt chuẩn, có thư viện xanh đáp ứng nhu cầu cần thiết trong hoạt động thư viện cho giáo viên, học sinh. Hiện tại, phòng truyền thống đặt chung với phòng Đoàn - Đội, phòng thực hành Khoa học tự nhiên chưa đáp ứng yêu cầu vì được trưng dụng làm phòng học [H3-3.2-02], [H3-3.2-03].

Mức 2

a) Phòng học, phòng bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định. Phòng học đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật hòa nhập [H3-3.2-02].

b) Khôi phục vụ học tập được trang bị các vật dụng, thiết bị tối thiểu đảm bảo thuận lợi cho hoạt động dạy học ở trường theo quy định [H3-3.2-02].

Mức 3

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định. Tuy nhiên, một số phòng hoạt động còn ghép chung do nhà trường không đủ phòng thực hiện [H3-3.2-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đảm bảo các thiết bị dạy học theo danh mục tối thiểu đáp ứng nhu cầu hoạt động dạy học, sinh hoạt tối thiểu cho học sinh và giáo viên.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa đảm bảo phòng bộ môn theo quy định. Phòng Đoàn - Đội còn ghép chung Phòng truyền thống. Phòng thực hành Khoa học tự nhiên chưa đảm bảo do được trưng dụng làm phòng học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023 - 2024 và tiếp theo, Hiệu trưởng đề xuất Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè xây dựng thêm một số phòng học, phòng chức năng nhằm đáp ứng nhu cầu dạy và học tại đơn vị.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị

Mức 1:

a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;

b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;

c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Khối hành chính - quản trị đều ở tầng trệt thuận lợi cho công dân đến liên hệ công việc. Các bộ phận của văn phòng tập trung hoạt động ở phòng hành chính, được trang bị, cung cấp các thiết bị tối thiểu như: bàn ghế, máy móc, vật dụng cần thiết cho hoạt động các bộ phận [H3-3.3-01].

b) Khu vực để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh được bố trí nơi phù hợp, không ảnh hưởng đến sân chơi của học sinh; được phân chia khu vực thuận tiện và đảm bảo an toàn, trật tự khi di chuyển [H3-3.3-02].

c) Trong mỗi năm học, các trang thiết bị khối hành chính - quản trị đều được kiểm tra, sửa chữa để đáp ứng kịp thời công việc của các bộ phận của tổ văn phòng [H3-3.3-03].

Mức 2

Khối hành chính - quản trị được bố trí đủ phòng gồm có: phòng Hiệu trưởng, phòng Phó hiệu trưởng, phòng y tế, phòng học vụ, phòng giám thị, phòng bảo vệ,... được đảm bảo về vệ sinh, an toàn cho giáo viên, nhân viên. Phòng giám thị ở tầng trệt và phòng bảo vệ ở ngay cổng tạo thuận lợi trong việc hướng dẫn, giao tiếp với công dân đến liên hệ với nhà trường [H3-3.3-01].

Khu bếp ăn được trang bị hệ thống bếp ăn đầy đủ, nhà ăn có bàn ăn sạch sẽ đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm [H3-3.3-04].

Phòng nghỉ dành cho giáo viên nam và giáo viên nữ sạch sẽ, thoáng mát, an toàn, vệ sinh, đảm bảo được sức khỏe cho giáo viên [H3-3.3-04].

Mức 3

Ở các phòng khu vực hành chính - quản trị đều được trang bị bàn ghế, thiết bị, máy móc tối thiểu để đáp ứng yêu cầu công việc hành chính như máy vi tính được kết nối internet, máy photocopy, máy in, tủ hồ sơ,... Các thiết bị, máy móc ở mỗi bộ phận được sắp xếp ngăn nắp, khoa học, thuận tiện để làm việc và hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động hành chính nhà trường. Định kỳ các thiết bị được rà soát, bảo hành, bảo trì phục vụ tốt cho công tác [H3-3.3-01], [H3-3.3-03].

Tuy nhiên, các bộ phận đang tự lưu trữ hồ sơ riêng của bộ phận mình quản lý mà chưa có phòng lưu trữ chung theo quy định. Nhà trường đang bố trí và thực hiện phòng lưu trữ theo quy định trong thời gian tới.

2. Điểm mạnh

Khối hành chính - quản trị được bố trí đầy đủ phòng làm việc, thiết bị riêng biệt cho mỗi bộ phận tạo sự thuận lợi và hỗ trợ hiệu quả cho công tác hành chính ở nhà trường.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có phòng lưu trữ theo quy định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Định kỳ hằng năm, các bộ phận rà soát và đề xuất bảo trì, bổ sung trang thiết bị hỗ trợ công tác, nhiệm vụ. Từ năm học 2023 - 2024, Hiệu trưởng tiếp tục khảo sát để bố trí phòng lưu trữ phù hợp.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Khu vệ sinh với hệ thống cấp nước mở bằng vòi được bố trí riêng cho giáo viên và học sinh, cho nam và nữ ở mỗi tầng lầu và tầng trệt, đảm bảo không bị ô nhiễm môi trường; đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cá nhân cho các đối tượng học sinh kể cả học sinh khuyết tật hiện có ở nhà trường [H3-3.4-01].

b) Nhà trường có hệ thống nước sạch, đảm bảo vệ sinh môi trường dành riêng cho sinh hoạt hằng ngày của cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh. Ngoài ra, nước uống đã được kiểm nghiệm và được cấp chứng nhận an toàn vệ sinh.

Hệ thống thoát nước được ngầm hóa, riêng biệt và được hệ thống xử lý trước khi ra ngoài môi trường [H3-3.4-02].

c) Nhà trường trang bị nhiều thùng rác ở nhiều khu vực khác nhau, các thùng rác được dán giấy hướng dẫn học sinh phân loại rác và bỏ rác theo quy định về phân loại rác tại nguồn, góp phần bảo vệ môi trường [H3-3.4-03], [H3-3.4-04].

Mức 2

a) Phòng vệ sinh, nhà vệ sinh sạch sẽ nằm ngay ở cạnh hàng lang, mỗi phòng được lắp 01 quạt máy, 01 máy tạo hương, phía ngoài có đặt 1 kệ dép và dép để học sinh mang khi ra vào; trang bị đầy đủ giấy vệ sinh và xà phòng rửa tay; khu vệ sinh thoáng mát có ánh nắng đảm bảo thuận tiện, phù hợp với cảnh quan và theo quy định [H3-3.4-01].

b) Hệ thống cung cấp nước sạch đáp ứng quy định tại khoản 1 và 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BGDĐT-BYT ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Bộ Giáo dục Đào tạo và Bộ Y tế quy định về công tác y tế trường học, cụ thể:

Sử dụng nguồn nước uống từ công ty cấp nước có đủ điều kiện cung cấp nước uống đóng chai theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 6 -1: 2010/BYT) ban hành kèm theo Thông tư số 34/2010/TT-BYT ngày 02 tháng 6 năm 2010 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước uống đóng chai [H3-3.4-02].

Sử dụng nguồn nước sinh hoạt theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia (QCVN 02: 2009/BYT) ban hành kèm theo Thông tư số 05/2009/TT-BYT ngày 17 tháng 6 năm 2019 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước sinh hoạt.

Hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định tại Khoản 3, Điều 5, Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BGDĐT-BYT ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế Quy định về công tác y tế trường học, cụ thể: Có hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, không để nước ứ đọng xung quanh trường lớp; có hệ thống thoát nước

riêng cho khu vực nhà bếp, nhà vệ sinh. Có hợp đồng với tổ thu gom rác của xã Phước Kiển và dịch vụ Công ích huyện Nhà Bè đủ điều kiện thu gom, xử lý chất thải, rác thải sinh hoạt, y tế theo quy định [H3-3.4-02], [H3-3.4-03].

Có thùng rác riêng biệt cho từng loại rác thải, có nắp đậy được bố trí hợp lý trên khuôn viên trường để học sinh thuận tiện trong việc để rác đúng nơi quy định và đúng loại chất thải. Tuy nhiên, vẫn còn một số học sinh thực hiện chưa tốt việc phân loại rác.

Khu tập trung rác thải được bố trí xa với phòng học, khối hành chính, nằm cách biệt, có lối ra vào riêng.

Việc phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý rác trong trường được thực hiện đúng theo quy định [H3-3.4-03], [H3-3.4-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có khu vệ sinh đầy đủ, hệ thống nước sạch, hệ thống xử lý nước thải đảm bảo vệ sinh môi trường theo quy định. Công tác phối hợp, ký kết hợp đồng được thực hiện đầy đủ với các tổ chức cung cấp nước sạch và xử lý rác thải đúng quy định.

3. Điểm yếu

Vẫn còn một số học sinh chưa có ý thức chưa phân loại rác thải theo quy định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong các tiết sinh hoạt dưới cờ và sinh hoạt tập thể, bộ phận Đoàn - Đội và giáo viên chủ nhiệm có trách nhiệm tuyên truyền, vận động học sinh có ý thức tự giác trong giữ gìn vệ sinh trường lớp, bỏ rác đúng nơi quy định và phân loại rác theo hướng dẫn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường trang bị đủ các thiết bị văn phòng gồm máy tính, máy in, máy photocopy và các thiết bị khác... đảm bảo phục vụ cho các hoạt động của nhà trường [H3-3.3-03].

b) Phòng thiết bị lưu trữ những thiết bị dạy học tối thiểu các bộ môn đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo danh mục [H3-3.5-01], [H3-3.5-02].

c) Hằng năm, các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa, được bảo trì theo định kỳ [H3-3.3-03].

Mức 2

a) Hệ thống máy tính ở tất cả các bộ phận đều được kết nối internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học bộ môn Tin học, hoạt động thư viện, hoạt động của các bộ phận hành chính,... [H3-3.5-04].

b) Nhà trường có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo danh mục quy định. Ngoài ra, có thiết bị, vật dụng thí nghiệm được bố trí ở phòng chuẩn bị thí nghiệm, thực hành thuận tiện cho việc chuẩn bị và tiến độ thực hành, thí nghiệm [H3-3.5-02], [H3-3.5-03].

c) Hằng năm, các tổ chuyên môn đều tiến hành kiểm kê, đánh giá thực trạng đồ dùng dạy học. Từ đó đề xuất kinh phí xin mua sắm thiết bị dạy học còn thiếu hoặc đề xuất sửa chữa thiết bị hư hỏng. Để đáp ứng nhu cầu đổi mới trong giảng dạy giáo viên tự thiết kế bài giảng điện tử và làm đồ dùng dạy học tự làm trên giáo án điện tử qua các phần mềm.

Mỗi năm nhà trường tiến hành tự kiểm tra và đón đoàn kiểm tra của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện kiểm tra công tác thiết bị, thực hành thí nghiệm. Xếp loại: Tốt [H3-3.5-05].

Mức 3

Phòng thí nghiệm, thực hành đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả đáp ứng dạy học trực quan, kiểm nghiệm thực tế cho học sinh trên lớp hoặc ở phòng thực hành, thí nghiệm. Việc thiết kế đồ dùng dạy học tự làm còn hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu thực tế như mong muốn, đặc biệt là hỗ trợ trong công tác giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật ở trường trung học cơ sở [H3-3.5-03].

2. Điểm mạnh

Các bộ phận có đủ thiết bị, hệ thống máy tính các bộ phận được kết nối internet. Phòng thí nghiệm, thực hành đủ thiết bị đảm bảo giáo dục bộ môn thuận tiện.

3. Điểm yếu

Hoạt động thiết kế đồ dùng dạy học còn hạn chế về số lượng, chưa hỗ trợ tốt cho những bộ môn phục vụ công tác giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong mỗi năm học, Hiệu trưởng chỉ đạo bộ phận chuyên môn tăng cường hoạt động tự làm đồ dùng dạy học để tăng về số lượng và đáp ứng mục tiêu dạy học thực tế ở trên lớp, phù hợp đối tượng học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Thư viện hiện có hơn 4.954 đầu sách giáo khoa, sách nghiệp vụ, sách tham khảo, sách thiếu nhi, truyện tranh,... phục vụ hoạt động nghiên cứu, dạy học, sinh hoạt, giải trí ở nhà trường; có báo, tạp chí hằng ngày. Hệ thống bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa được lưu trữ ở phòng thiết bị đáp ứng cho hoạt động các bộ môn trên lớp [H3-3.6-01].

b) Thư viện có kế hoạch hoạt động hằng tháng đáp ứng những hoạt động trọng tâm như giới thiệu sách, trưng bày sách theo chủ đề, triển lãm sách, xây dựng sân chơi thư viện như: Lớn lên cùng sách, Đại sứ văn hóa đọc, Ngày hội đọc sách, Ngày sách Việt Nam,... Sưu tầm tài liệu, làm thư mục theo chủ đề để phục vụ công tác dạy và học của giáo viên và học sinh. Kết hợp với tổ Ngữ văn để thực hiện tiết học tại thư viện, phối hợp với bộ phận Đoàn - Đội tổ chức đợt quyên góp sách trong nhà trường để bổ sung vốn tài liệu cho thư viện ngày càng phong phú hơn, phục vụ bạn đọc tốt hơn [H3-3.6-02], [H3-3.6-03], [H3-3.6-04],

[H3-3.6-05].

Hàng tháng, thư viện đều tổ chức họp mạng lưới để báo cáo kết quả hoạt động tháng vừa qua và triển khai kế hoạch hoạt động cho tháng tới [H3-3.6-06], [H3-3.6-07].

c) Hàng năm thư viện thực hiện kiểm kê 2 lần/năm để kịp thời sửa chữa những tài liệu bị rách và thanh lý những tài liệu hư hỏng nặng. Đồng thời bổ sung thêm những tài liệu mới để phục vụ công tác dạy và học [H3-3.6-04], [H3-3.6-08], [H3-3.6-09].

Mức 2

Thư viện nhà trường đạt thư viện xuất sắc theo Quyết định số 01/2003/QĐ-BGDĐT ngày 02 tháng 01 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông [H3-3.6-10].

Mức 3

Thư viện nhà trường được trang bị 02 máy tính có kết nối internet phục vụ quản lý, tra cứu thông tin, đọc sách điện tử, hoạt động nghiên cứu của giáo viên, học sinh. Thư viện của trường đạt thư viện xuất sắc [H3-3.6-10]. Tuy nhiên, thư viện chưa phát huy hết hiệu quả trong công tác tra cứu, hỗ trợ trong nghiên cứu khoa học cho giáo viên, học sinh, đặc biệt là đáp ứng về nhu cầu sách điện tử, mở rộng nguồn tài nguyên đọc trên không gian mạng.

2. Điểm mạnh

Thư viện khang trang, thoáng mát, đầy đủ ánh sáng, có số lượng đầu sách khá phong phú phục vụ cho việc đọc sách của giáo viên và học sinh; tổ chức hoạt động định kỳ có hiệu quả, có định hướng và nhiều năm liền đạt thư viện xuất sắc.

3. Điểm yếu

Số lượng máy tính còn hạn chế chưa đáp ứng nhu cầu thư viện điện tử tại đơn vị.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023 - 2024, Hiệu trưởng chỉ đạo kế toán dự trù kinh phí trang bị máy tính cho thư viện để nâng cao hiệu quả của thư viện điện tử.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

- Điểm mạnh nổi bật

Cơ sở vật chất khang trang, phòng học, phòng bộ môn được bố trí đầy đủ bàn ghế theo đúng chuẩn, thoáng mát đáp ứng tốt nhu cầu học tập.

Khuôn viên trường riêng biệt, có hệ thống tường bao quanh, đảm bảo an toàn cho giáo viên và học sinh.

Phòng thiết bị được bố trí hợp lý nên thuận tiện cho việc giáo viên mượn đồ dùng dạy học, có tủ đựng thiết bị, được sắp xếp ngăn nắp gọn gàng, có đủ thiết bị văn phòng, thiết bị dạy học đáp ứng cho việc dạy học theo quy định. Giáo viên của trường thường xuyên sử dụng trang thiết bị và đồ dùng dạy học.

Thư viện hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ của thư viện trường học. Hồ sơ sổ sách đầy đủ, được công nhận thư viện xuất sắc.

Nhà trường có khu vệ sinh được thường xuyên cải tạo, chỉnh trang hệ thống nước sạch, hệ thống xử lý nước thải đảm bảo vệ sinh môi trường theo quy định.

- Điểm yếu cơ bản

Nhà trường chưa có phòng lưu trữ theo quy định. Phòng truyền thống còn chung với phòng Đoàn Đội.

Hoạt động giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật ở nhà trường còn hạn chế.

Máy tính trang bị cho thư viện điện tử chưa đảm bảo theo yêu cầu.

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06.

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/06.

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu

Sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội là cơ sở để nhà trường thống nhất, thực hiện hiệu quả những nhiệm vụ giáo dục của nhà trường. Nguồn

lực xã hội cần được quan tâm để có cơ chế tham mưu, phối hợp hiệu quả cho hoạt động của nhà trường. Đồng thời, việc giữ vững và phát huy tích cực mối quan hệ giữa nhà trường với gia đình, với xã hội sẽ góp phần giáo dục toàn diện cho học sinh từ nhà trường với thực tiễn cuộc sống, xã hội; sẽ làm thay đổi nhận thức, thái độ của học sinh theo hướng tích cực trong xã hội.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường có Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp, Ban đại diện cha mẹ học sinh trường được thành lập hằng năm và hoạt động theo quy định tại điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Ban đại diện cha mẹ học sinh có nhiệm vụ quyền hạn, trách nhiệm và hoạt động theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh ban hành kèm theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cơ cấu tổ chức Ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp gồm từ 3 đến 5 thành viên. Ban đại diện cha mẹ học sinh trường gồm đại diện cha mẹ học sinh các lớp. Thường trực Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường có từ 07 đến 10 thành viên [H4-4.1-01], [H2-2.4-07].

b) Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp với nhà trường thống nhất và xây dựng kế hoạch hoạt động theo từng năm học và triển khai thực hiện trong nhà trường [H4-4.1-02].

c) Trong từng giai đoạn cụ thể, những nội dung thực hiện của Ban đại diện cha mẹ học sinh được báo cáo cụ thể, đầy đủ và đúng tiến độ [H4-4.1-01], [H4-4.1-03].

Mức 2

Ban đại diện cha mẹ học sinh đã đề ra kế hoạch hoạt động cụ thể và được phổ biến rộng rãi đến tất cả cha mẹ học sinh toàn trường. Ban đại diện cha mẹ học sinh đã phối hợp thực hiện tốt nhiệm vụ, công tác xã hội hóa giáo dục ở nhà trường [H4-4.1-02], [H1-1.6-15].

Hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh góp phần hiệu quả trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học, kế hoạch giáo dục của nhà trường. Đồng thời, Ban đại diện cha mẹ học sinh đã hỗ trợ tốt về công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương, chính sách về giáo dục, thực hiện công tác vận động phổ cập giáo dục, xã hội hóa giáo dục,... [H2-2.4-07], [H1-1.6-15].

Mức 3

Nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp hiệu quả. Đồng thời định kỳ đánh giá kết quả phối hợp, hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh để nâng cao chất lượng hoạt động chung. Nhà trường luôn tạo điều kiện cho Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động như chọn thời gian họp phù hợp để mọi người có thể tham dự các hoạt động, ngày lễ, hội [H4-4.1-04]. Nhà trường tổ chức các cuộc họp định kỳ vào đầu năm, trước học kỳ I và cuối năm học để trao đổi với cha mẹ học sinh về công tác giáo dục học sinh; trước khi họp toàn thể cha mẹ học sinh, nhà trường tổ chức họp đối với Ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp để trao đổi, lắng nghe các ý kiến đóng góp để cùng với nhà trường góp phần nâng cao chất lượng giáo dục học sinh. Đồng thời, nhà trường lắng nghe các ý kiến đóng góp từ phía cha mẹ học sinh để giải quyết các kiến nghị chính đáng của cha mẹ học sinh [H2-2.4-07].

Vẫn còn số ít cha mẹ học sinh chưa quan tâm, vắng mặt trong các kỳ họp cha mẹ học sinh gây ảnh hưởng trong việc thống nhất, phối hợp giáo dục toàn diện học sinh; đặc biệt là đối tượng gia đình nghèo, bố mẹ ly tán, lao động không ổn định. Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp hiệu quả chăm lo cho những học sinh và gia đình có hoàn cảnh khó khăn trong các dịp lễ, tết [H4-4.1-05], [H2-2.4-04].

2. Điểm mạnh

Công tác phối hợp giữa nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh ngày càng có sự chuyển biến tích cực. Ban đại diện cha mẹ học sinh luôn quan tâm và tạo điều kiện hỗ trợ hoạt động giáo dục học sinh cho nhà trường; phối hợp với nhà trường thực hiện tốt công tác vận động tài trợ, xã hội hóa giáo dục.

3. Điểm yếu

Một số ít cha mẹ học sinh chưa quan tâm, thường vắng mặt trong các kỳ họp cha mẹ học sinh gây ảnh hưởng trong việc thống nhất, phối hợp giáo dục toàn diện học sinh, đặc biệt là đối tượng gia đình nghèo, ly tán, lao động không ổn định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong các năm học tiếp theo, Hiệu trưởng và Ban đại diện cha mẹ học sinh tiếp tục đánh giá và thống nhất, nâng cao chất lượng phối hợp để đảm bảo giáo dục học sinh, tăng cường chương trình huy động nguồn lực xã hội góp phần phát triển nhà trường. Đồng thời, Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm phối hợp chặt chẽ với cha mẹ học sinh trong việc giáo dục học sinh thuộc đối tượng, hoàn cảnh khác nhau.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Bí thư Chi bộ của nhà trường đã kịp thời tham mưu cho Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè về kế hoạch và các biện pháp thực hiện nhằm phát triển nhà trường trong từng giai đoạn cụ thể để đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông, duy trì sĩ số học sinh, hỗ trợ phát triển nhà trường. Kịp thời phối hợp trong công tác đảm bảo nhiệm vụ chính trị, đảm bảo an toàn, an ninh trật tự khu vực trường học [H1-1.8-01], [H1-1.10-02].

b) Nhà trường thường xuyên quán triệt trong hội đồng sư phạm và với cha mẹ học sinh; tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước, những quy định, chiến lược của ngành giáo dục về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường [H1-1.1-01].

c) Hiệu trưởng đã huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định. Hiệu trưởng đã làm tốt công tác vận động sự ủng hộ đóng góp trên tinh thần hoàn toàn tự nguyện từ Ban đại diện cha mẹ học sinh [H1-1.6-15].

Mức 2

a) Trường phối hợp với các tổ chức, đoàn thể ở địa phương để xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh [H1-1.10-02], [H4-4.2-01].

b) Nhà trường đã phối hợp tốt với Trung tâm Giáo dục kỹ năng sống Gaia để tổ chức sinh hoạt chuyên đề cho học sinh các chuyên đề như: quyền bảo vệ chăm sóc trẻ em, phòng chống ma túy học đường, giáo dục truyền thống cho học sinh,... [H4-4.2-01], [H4-4.2-02], [H4-4.2-03].

Mức 3

Nhà trường đã ký kết phối hợp với Công an, Ủy ban nhân dân xã Phước Kiển trong việc gìn giữ an ninh trật tự trước cổng trường, xung quanh khu vực trường học và được Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè cấp giấy công nhận trường học an toàn, an ninh trật tự [H1-1.10-02], [H4-4.2-04]. Nhà trường thường xuyên tham mưu và báo cáo với Đảng ủy xã Phước Kiển về tăng cường công tác khuyến học, góp phần tích cực trong chuyển hóa và tạo điều kiện thuận lợi cho gia đình có học sinh khó khăn được đến trường và nâng cao chất lượng vận động học sinh bỏ học ở địa phương [H4-4.2-05].

Tuy nhiên, địa phương còn tình trạng học sinh bỏ địa phương tương đối nhiều do số đông là dân nhập cư.

2. Điểm mạnh

Công tác tham mưu, phối hợp giữa nhà trường với địa phương kịp thời, thực hiện đầy đủ, đảm bảo đúng tiến độ và có hiệu quả. Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã Phước Kiển thường xuyên quan tâm đến mọi hoạt động giáo dục của nhà trường. Nhà trường huy động được nguồn lực xã hội và ở địa phương đảm bảo tốt công tác phổ cập giáo dục, công tác khuyến học cho nhà trường.

3. Điểm yếu

Công tác duy trì sĩ số học sinh chưa đạt hiệu quả cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong từng học kỳ, Hiệu trưởng tham mưu với lãnh đạo địa phương có chế độ đối với đối tượng học sinh là dân nhập cư để hạn chế tình trạng bỏ địa phương khi đang theo học tại trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

- Điểm mạnh nổi bật

Trong những năm qua, Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công đã thực hiện tốt mối quan hệ giữa nhà trường gia đình và xã hội trong công tác giáo dục đạo đức học sinh. Ban đại diện cha mẹ học sinh trường hoạt động theo Nghị quyết đã đề ra.

Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công phối hợp với các đoàn thể trong và ngoài nhà trường thực hiện các nhiệm vụ giáo dục theo quy định. Đồng thời, phối hợp với chính quyền địa phương trong các hoạt động giáo dục, xã hội hoá để hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Điểm yếu cơ bản

Một số ít cha mẹ học sinh chưa quan tâm, thường vắng mặt trong các kỳ họp cha mẹ học sinh gây ảnh hưởng trong việc thống nhất, phối hợp giáo dục toàn diện học sinh, đặc biệt là đối tượng gia đình nghèo, ly tán, lao động không ổn định.

Địa phương còn tình trạng học sinh bỏ địa phương tương đối nhiều do số đông là dân nhập cư.

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 02/02.

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/02.

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu

Với mục đích cuối cùng là kết quả các hoạt động giáo dục trong nhà trường theo đúng mục tiêu đề ra, đảm bảo đúng định hướng chiến lược phát triển giáo dục của nhà trường. Cho nên, các hoạt động giáo dục không ngừng củng cố, hoàn thiện chất lượng giáo dục, phương thức, hình thức giáo dục phải được

nhà trường, các đoàn thể, các tổ chức xã hội, các bộ phận trong nhà trường quan tâm và đầu tư thực hiện. Bên cạnh đó, định kỳ hằng năm, công tác sơ kết, tổng kết và dự báo để đảm bảo giáo dục toàn diện ở nhà trường không ngừng hoàn thiện và phát huy hết sức mạnh của các nguồn lực phát triển nhà trường.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông

Mức 1:

- a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;*
- b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;*
- c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.*

Mức 2:

- a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;*
- b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.*

Mức 3:

Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường đã tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục. Thực hiện kế hoạch giảng dạy và học tập từng môn học khoa học, đảm bảo đúng tiến độ về quy định điều chỉnh dạy học theo chủ đề, thực hiện nội dung giảng dạy theo chương trình,

chuẩn kỹ năng kiến thức của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định [H1-1.4-07], [H1-1.6-10], [H5-5.1-01].

b) Giáo viên của trường đã vận dụng tốt các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường [H5-5.1-02]. Giáo viên tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, giáo viên soạn và sử dụng bài giảng giáo án điện tử đã tạo hứng thú cho học sinh trong quá trình học tập [H5-5.1-03]. Tổ bộ môn tăng cường sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, dạy học theo chủ đề, ứng dụng các phương pháp và kỹ thuật dạy học mới; linh hoạt trong lựa chọn kiến thức và thời gian phù hợp; giáo viên chủ động hướng dẫn học sinh học tập tích cực thông qua thảo luận nhóm, sáng tạo, các câu lạc bộ tạo điều kiện cho học sinh phát triển năng lực, biết vận dụng kiến thức vào thực tiễn [H5-5.1-04].

c) Nhà trường đã thực hiện tốt việc đổi mới kiểm tra, đánh giá học sinh theo định hướng phát triển năng lực nhằm đảm bảo đánh giá học sinh khách quan và góp phần hiệu quả trong điều chỉnh giáo dục học sinh [H1-1.4-07], [H1-1.4-09].

Mức 2

a) Nhà trường đã thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục của mỗi năm học. Các tổ, nhóm chuyên môn đã thống nhất việc lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh trong các buổi sinh hoạt của tổ, nhóm chuyên môn [H1-1.4-07].

Tuy nhiên, giáo viên đa số là trẻ tuổi nên việc đổi mới hình thức và phương pháp dạy học còn chưa đi vào chiều sâu do chưa có nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy.

b) Trường có kế hoạch bồi dưỡng học sinh có năng khiếu để tạo nguồn học sinh giỏi phù hợp với tình hình, điều kiện của nhà trường [H5-5.1-05]. Từ năm học 2017 - 2018 đến nay, công tác bồi dưỡng học sinh giỏi có chuyển biến tích cực từ việc lựa chọn giáo viên có năng lực, bộ môn chủ chốt và thực hiện

bồi dưỡng từ tháng 7 hằng năm nên nhà trường đều có học sinh giỏi cấp huyện và cấp thành phố [H5-5.1-06]. Tuy nhiên, học sinh giỏi cấp thành phố ở môn Tin học chưa đạt trong những năm qua. Bên cạnh đó, việc phụ đạo cho học sinh yếu, kém và học sinh khó khăn trong học tập được nhà trường chú trọng trong nhiều năm qua đã giúp chất lượng giáo dục học sinh cải thiện đáng kể [H5-5.2-01].

Mức 3

Hằng năm, các tổ chuyên môn tổ chức sơ kết, tổng kết bộ môn; định kỳ đánh giá rút kinh nghiệm bộ môn đề xuất các biện pháp tổ chức và hoạt động giáo dục, nâng cao chất lượng bộ môn [H1-1.4-09].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện đầy đủ kế hoạch giáo dục. Các tổ, nhóm bộ môn chủ động trong sinh hoạt, điều tiết phù hợp với chuẩn kỹ năng kiến thức, chủ đề thực tế; thường xuyên đánh giá và rút kinh nghiệm nhằm nâng cao chất lượng giáo dục bộ môn trong nhà trường. Nhà trường chú trọng bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo học sinh yếu xem đây là công tác mũi nhọn của nhà trường trong những năm qua.

3. Điểm yếu

Đa số giáo viên trẻ tuổi nên việc đổi mới hình thức và phương pháp dạy học còn chưa đi vào chiều sâu do chưa có nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy.

Học sinh giỏi cấp thành phố ở môn Tin học chưa đạt trong những năm qua.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong từng năm học tiếp theo, Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng chuyên môn tiếp tục quán triệt việc tăng cường đổi mới phương pháp dạy học, tăng cường dự giờ thăm lớp để hỗ trợ, hướng dẫn kịp thời giáo viên trẻ đổi mới phương pháp dạy học phù hợp đặc thù bộ môn. Đồng thời, chỉ đạo Phó hiệu trưởng bám sát giáo viên bồi dưỡng môn Tin học để có lộ trình giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

Mức 1:

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

c) Hằng năm, rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Đầu mỗi năm học, nhà trường có xây dựng kế hoạch phụ đạo học sinh yếu, học sinh có hoàn cảnh khó khăn trong học tập để được hỗ trợ. Nhà trường có triển khai nội dung, chế độ chính sách giáo dục cho học sinh khó khăn. Giáo viên làm tốt công tác phụ đạo theo định kỳ [H5-5.2-01], [H5-5.2-02].

b) Công tác tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện được chú trọng [H5-5.2-02]. Việc thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh gặp khó khăn trong học tập được thực hiện đúng kế hoạch đề ra. Trường có thành lập các câu lạc bộ học thuật, năng khiếu để bồi dưỡng có kết quả [H5-5.2-03].

c) Nhà trường đã thực hiện rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn

trong học tập và rèn luyện thông qua các báo cáo sơ kết mỗi học kỳ kịp thời [H1-1.4-09], [H5-5.2-02], [H5-5.2-04].

Mức 2

Đa số học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục của nhà trường xây dựng từ đầu năm học. Kết quả thực hiện công tác giáo dục hằng năm đều đạt yêu cầu nhiệm vụ được giao. Nhiều học sinh khó khăn có tiến bộ trong học tập, đạt danh hiệu học sinh giỏi, học sinh tiên tiến được nhận phần thưởng và học bổng của nhà trường [H5-5.2-05].

Mức 3

Từ năm 2023 đến nay, nhà trường có chất lượng bồi dưỡng học sinh giỏi chuyển biến tích cực; đặc biệt trong từ năm 2023 đến nay, trường đều có học sinh giỏi cấp thành phố như mục tiêu phấn đấu. Tuy nhiên số lượng học sinh chưa đồng đều ở các môn [H5-5.1-06].

2. Điểm mạnh

Chất lượng bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo học sinh yếu chuyển biến tích cực, góp phần nâng chất lượng giáo dục toàn diện. Hoàn thành mục tiêu phấn đấu, nhà trường đã có học sinh giỏi cấp thành phố và vận động viên thể dục thể thao cấp thành phố được công nhận trong các giải vô địch học sinh.

3. Điểm yếu

Số lượng học sinh giỏi cấp thành phố chưa đồng đều ở một số môn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023 - 2024, Hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo giáo viên thực hiện giảng dạy học sinh giỏi theo lộ trình đối với từng môn để chất lượng đồng đều ở các môn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định

Mức 1:

a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;

b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;

c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường thực hiện đầy đủ các nội dung giáo dục địa phương theo quy định tại công văn số 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 07 tháng 7 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các tài liệu địa phương của Sở Giáo dục và Đào tạo đối với các môn Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý góp phần đảm bảo mục tiêu môn học và gắn lý luận, kiến thức với thực tiễn cuộc sống [H4-4.2-02], [H5-5.3-01].

b) Đối với các bộ môn Ngữ văn, GDĐP việc kiểm tra, đánh giá kiến thức địa phương được tiến hành lồng ghép vào các bài kiểm tra định kỳ, kiểm tra học kỳ. Đối với các buổi tham quan học tập ngoại khóa, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, giáo viên tiến hành kiểm tra đánh giá học sinh bằng nhiều hình thức như: sưu tầm tư liệu, viết bài thu hoạch [H4-4.2-02], [H5-5.4-02].

c) Hằng năm, nhà trường giao nhóm bộ môn Lịch sử - Địa lý chủ động trong việc rà soát, cập nhật, bổ sung tài liệu giáo dục địa phương và lưu hành ở thư viện; đồng thời, phổ biến đến học sinh để thuận tiện tham khảo ở thư viện. Việc rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương hằng năm còn hạn chế. [H4-4.2-02].

Mức 2

Giáo viên thiết kế giáo án giảng dạy nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu của từng môn học, có bổ sung, cập nhật tài liệu; tổ chức hướng dẫn học sinh tìm hiểu, thảo luận giải quyết các vấn đề thực tiễn trên cơ sở kiến thức đã học [H5-5.3-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đảm bảo nội dung giáo dục địa phương lồng ghép trong các tiết học theo khung chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo; đồng thời, thực hiện nghiêm túc chương trình địa phương theo tài liệu của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Điểm yếu

Tài liệu về nội dung giáo dục địa phương chưa phong phú. Giáo viên chưa thường xuyên cập nhật nội dung giáo dục địa phương trong kế hoạch bài dạy gắn với thực tiễn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023 - 2024, Phó hiệu trưởng tiếp tục quán triệt việc thực hiện chương trình giáo dục địa phương và có biện pháp cụ thể để nâng cao chất lượng về tài liệu và hình thức giáo dục phù hợp, hiệu quả việc giáo dục địa phương cho học sinh. Đồng thời, các tổ chuyên môn, giáo viên bộ môn sưu tầm, đề xuất bổ sung tài liệu về giáo dục địa phương hoặc tư liệu có liên quan nhằm phục vụ tốt cho giáo viên trong công tác giảng dạy.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

Mức 1:

- a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;*
- b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;*
- c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.*

Mức 2:

- a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;*
- b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường có xây dựng, triển khai kế hoạch hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh [H1-1.8-03]. Đồng thời, Ban chỉ đạo xây dựng kế hoạch hướng nghiệp và tổ chức hoạt động trải nghiệm, tham quan học tập theo định kỳ ít nhất 01 lần mỗi năm học. Đặc biệt, đối với học sinh lớp 9, tập trung công tác tư vấn hướng nghiệp, học nghề giúp học sinh định hướng và lựa chọn hướng đi phù hợp sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở [H1-1.8-03], [H5-5.4-02].

b) Trong từng năm học, nhà trường tổ chức hoạt động tham quan học tập, hoạt động trải nghiệm, sáng tạo cho học sinh tham gia ngoài nhà trường. Công tác tổ chức hoạt động trải nghiệm, các tiết học ngoài nhà trường được tổ chức hằng năm thu hút học sinh tham gia từ 50% trở lên [H5-5.4-02].

c) Tùy theo hoạt động cụ thể, hoạt động giáo dục hướng nghiệp, trải nghiệm học tập ngoài nhà trường được Hiệu trưởng phân công nhiệm vụ cụ thể cho giáo viên tham gia cùng với học sinh [H5-5.4-02]. Hoạt động tham quan học tập thực tế ngoài nhà trường được nhà trường quan tâm [H1-1.8-05].

Mức 2

a) Hoạt động học tập trải nghiệm, tham quan học tập hướng nghiệp thu hút sự quan tâm của cha mẹ học sinh. Tuy nhiên, hoạt động trải nghiệm cho học sinh còn hạn chế khi tổ chức ngoài nhà trường do điều kiện kinh tế của phụ huynh.

Đối với công tác hướng nghiệp, phân luồng, tùy theo đối tượng, năng lực của học sinh, nhà trường trực tiếp tư vấn riêng hoặc tổ chức truyền thông chung cho nhiều đối tượng khác nhau [H1-1.8-03].

b) Định kỳ, Ban chỉ đạo công tác giáo dục hướng nghiệp, hoạt động trải nghiệm luôn rà soát về công tác hướng nghiệp và điều chỉnh, lựa chọn nội dung hoạt động trải nghiệm nhằm đáp ứng yêu cầu trong thực tế của hoạt động trải nghiệm; đáp ứng nhu cầu của học sinh và cha mẹ học sinh về định hướng nghề nghiệp theo năng lực của học sinh [H5-5.4-01], [H5-5.4-02].

2. Điểm mạnh

Công tác tổ chức hoạt động trải nghiệm, các tiết học ngoài nhà trường được tổ chức hằng năm thu hút học sinh tham gia từ 50% trở lên; công tác

hướng nghiệp được chú trọng và tập trung định hướng cho công tác phân luồng sau khi học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở.

3. Điểm yếu

Hoạt động trải nghiệm cho học sinh còn hạn chế khi tổ chức ngoài nhà trường do điều kiện kinh tế của phụ huynh. Nhà trường chưa dự trù được nguồn chi phí hỗ trợ đối với học sinh có hoàn cảnh khó khăn khi muốn tham gia hoạt động trải nghiệm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023 - 2024, Ban chỉ đạo hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động phong phú, đa dạng đáp ứng yêu cầu thực tiễn hằng năm. Đồng thời, Hiệu trưởng chỉ đạo các đoàn thể phối hợp nghiên cứu, đề xuất, xây dựng kế hoạch, vận động nguồn xã hội hóa hỗ trợ kinh phí tham gia hoạt động trải nghiệm cho học sinh khó khăn; có kế hoạch phân công, tạo nguồn hỗ trợ cho những đối tượng nêu trên.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh

Mức 1:

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2:

a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3:

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Căn cứ kế hoạch giáo dục và tình hình, điều kiện thực tế, nhà trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục kỹ năng sống cho học sinh thông qua các chuyên đề. Nhà trường phối hợp với Trung tâm Gaia tổ chức các chuyên đề, sinh hoạt giáo dục kỹ năng sống dưới sân cờ phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi học sinh. Thực hiện giáo dục trên lớp 1 tiết/tuần theo thời khóa biểu [H4-4.2-03].

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục từ các câu lạc bộ học thuật và năng khiếu, từ câu lạc bộ tình huống của nhà trường đã có nhiều chuyển biến thông qua việc trang bị, tập huấn và thực hành xã hội các kỹ năng cơ bản [H5-5.5-01], [H5-5.5-02].

c) Qua các hoạt động giáo dục về kỹ năng sống, chuyên đề về y tế, đạo đức và lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam góp phần hoàn thiện nhân cách cho học sinh trong độ tuổi trung học cơ sở, tinh thần đoàn kết, nhân ái, biết chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau và với cộng đồng. Tỷ lệ xếp loại hạnh kiểm khá, tốt cao; truyền thống tương thân tương ái được phát huy qua các phong trào Nuôi heo đất giúp bạn vượt khó, hội thu ủng hộ đồng bào bị lũ lụt,... đều đạt kết quả cao [H5-5.5-03].

Mức 2

a) Chi đoàn, Liên đội đã tổ chức linh hoạt, sinh động các buổi sinh hoạt dưới cờ, mời báo cáo viên với nhiều chủ đề gắn với thực tiễn, cuộc sống, xã hội góp phần định hướng học sinh nhận thức, ứng xử hợp lý trong thực tế như vấn đề an toàn giao thông, giáo dục lối sống đẹp [H2-2.4-03].

b) Một số bộ môn như Khoa học tự nhiên, Toán học, Công nghệ,... vận dụng phương pháp dạy học STEM, giúp học sinh phát huy khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Bước đầu một số học sinh có thể hình thành được khả

năng nhận thức, lĩnh hội kiến thức từ các hoạt động giáo dục; đa số học sinh có hứng thú tham gia các hoạt động giáo dục kỹ năng sống. Tuy nhiên, khả năng tự học sinh vận dụng kiến thức trong thực tiễn chưa cao [H5-5.5-01].

Mức 3

Bước đầu, học sinh nhà trường có khả năng nghiên cứu khoa học, tham gia hội thi cấp huyện, cấp thành đạt hiệu quả qua hướng dẫn của giáo viên bộ môn [H2-2.2-07].

2. Điểm mạnh

Hoạt động nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ được nhà trường quan tâm và đầu tư hiệu quả. Giáo viên và học sinh tích cực tham gia hội thi các cấp đạt thành tích cao.

3. Điểm yếu

Học sinh vận dụng kiến thức kỹ năng sống vào thực tiễn chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023 - 2024 và các năm học tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục tổ chức giảng dạy về kỹ năng sống cho học sinh, thực hiện nghiêm túc việc lồng ghép kỹ năng sống vào giảng dạy bộ môn, các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; phối hợp với trung tâm giáo dục STEM tổ chức giảng dạy cho học sinh giúp các em vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn hiệu quả hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Mức 2:

a) *Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;*

b) *Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.*

Mức 3:

a) *Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:*

- *Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên;*

- *Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên;*

- *Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên;*

- *Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên;*

- *Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;*

- *Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;*

- *Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt*

ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên.

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

- Vùng khó khăn: Không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học;

- Các vùng còn lại: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Liên tục 02 năm học qua, nhà trường có chất lượng giáo dục học sinh về học lực, hạnh kiểm đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường [H1-1.6-02].

b) Hằng năm, học sinh khối 9 đều đạt tốt nghiệp trung học cơ sở 100%, tỷ lệ lên lớp thẳng từ 98% trở lên đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường [H2-2.2-04].

c) Hằng năm, nhà trường đều phân công giáo viên có khả năng định hướng nghề nghiệp, phân luồng nghề nghiệp sau trung học cơ sở. Giáo viên chủ nhiệm lớp 9 đều dạy các tiết hướng nghiệp, phối hợp với các trường nghề tổ chức các buổi tuyên truyền, phân tích, định hướng cho học sinh và phụ huynh chọn lựa đúng hướng đi cho học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở theo học nghề tại các trường cao đẳng, trung cấp nghề, trung tâm dạy nghề trên 21% đạt được kế hoạch của nhà trường [H1-1.8-03]. Cụ thể:

Tỷ lệ phân luồng qua nghề của trường qua các năm như sau:

Năm học 2022-2023: 58/235 (28.6%)

Năm học 2023-2024: 65/281 (23.1%)

Mức 2

a) Trong 02 năm, nhà trường đạt kết quả giáo dục về học lực của học sinh có kết quả cao [H1-1.6-02].

b) Trong 02 năm, nhà trường đạt tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp 100% [H5-5.6-01], [H5-5.6-02], [H5-5.6-03].

Mức 3

a) Nhà trường thực hiện những biện pháp tích cực, cùng với sự phối hợp chặt chẽ của cha mẹ học sinh, đặc biệt là sự phấn đấu, tu dưỡng, rèn luyện của học sinh. Vì thế, hằng năm, nhà trường có tỷ lệ xếp loại học lực của học sinh toàn trường đạt loại giỏi trên 50%, loại khá trên 30% [H5-5.6-01], [H1-1.6-02], [H2-2.4-06].

b) Trong 02 năm qua nhà trường không có học sinh lưu ban và bỏ học [H5-5.6-01].

2. Điểm mạnh

Hằng năm, hiệu quả hoạt động giáo dục của nhà trường đối với tỷ lệ học sinh lên lớp, tốt nghiệp trung học cơ sở luôn đạt cao. Nhà trường không có học sinh lưu ban, bỏ học đáp ứng được mục tiêu giáo dục.

3. Điểm yếu

Nhà trường còn có học sinh hạnh kiểm trung bình.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023 - 2024 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm tăng cường công tác phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong việc giáo dục học sinh chưa ngoan; tổ chức các buổi tuyên truyền giáo dục về đạo đức, lối sống để giáo dục học sinh nhằm hạn chế tối đa học sinh vi phạm ảnh hưởng đến hạnh kiểm.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

- Điểm mạnh nổi bật

Nhà trường đảm bảo nội dung giáo dục địa phương lồng ghép trong các tiết học theo phân phối chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo; đồng thời, thực hiện nghiêm túc chương trình địa phương theo tài liệu của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

Kết quả xếp loại học lực và hạnh kiểm duy trì và đảm bảo hằng năm.

Công tác hướng nghiệp được chú trọng và tập trung định hướng cho công tác phân luồng sau khi học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở.

- Điểm yếu cơ bản

Giáo viên đa số là trẻ tuổi nên việc đổi mới hình thức và phương pháp dạy học còn chưa đi vào chiều sâu do chưa có nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy.

Số lượng học sinh giỏi cấp thành phố chưa đồng đều ở một số môn.

Học sinh giỏi cấp thành phố ở môn Tin học chưa đạt trong những năm qua.

Tài liệu về nội dung giáo dục địa phương chưa phong phú. Giáo viên chưa thường xuyên cập nhật nội dung giáo dục địa phương trong giáo án cho phù hợp với thực tiễn.

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06.

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/06.

Phần III

KẾT LUẬN CHUNG

Hội đồng tự đánh giá Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công, huyện Nhà Bè căn cứ Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học đã thường xuyên rà soát, điều chỉnh, bổ sung và tiếp tục hoàn thiện, cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục tại nhà trường trong những năm tới.

Từ năm học 2022 – 2023 đến nay, đánh giá thực tế trong tổ chức và thực hiện những hoạt động giáo dục, nhà trường đã đạt được những kết quả cụ thể như sau:

- Số lượng và tỷ lệ (%) các tiêu chí đạt:

Mức 1: 28/28, tỷ lệ 100%;

Mức 2: 12/28, tỷ lệ 42,9%;

Mức 3: 03/28, tỷ lệ 10,7 %.

- Số lượng và tỷ lệ (%) các tiêu chí không đạt:

Mức 1: 00/28, tỷ lệ 0,0%;

Mức 2: 16/28, tỷ lệ 57,1%;

Mức 3: 25/28, tỷ lệ 89,3%.

- Mức đánh giá của cơ sở giáo dục: Trường đạt Mức 1.
- Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công tự đánh giá và đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 01 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Ngô Thị Lệ Hoa

Phần IV. PHỤ LỤC

Bảng danh mục mã minh chứng

Tiêu chí	Số T T	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày, ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
Tiêu chí 1.1	1	H1-1.1-01	Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển giáo dục nhà trường giai đoạn 2020 - 2025	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	H1-1.1-02	Chiến lược phát triển của nhà trường được công khai	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019	Hiệu trưởng	Nhân viên Tin học

			Website: trường http://thcslethanhhong.hcm.edu.vn	2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022		
Tiêu chí 1.2	1	H1-1.2-01	Quyết định thành lập hội đồng trường	Nhiệm kỳ 2017 - 2022	Ủy ban nhân dân Huyện Nhà Bè	Hiệu trưởng
	2	H1-1.2-02	Công văn đề nghị thành lập Hội đồng trường	Nhiệm kỳ 2017 - 2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	3	H1-1.2-03	Quyết định thành lập Hội đồng thi đua - khen thưởng	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	4	H1-1.2-04	Quyết định Hội đồng đánh giá sáng kiến kinh nghiệm	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

				2020 - 2021 2021 - 2022		
	5	H1-1.2-05	Quyết định thành lập Hội đồng Tuyển sinh	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	6	H1-1.2-06	Quyết định thành lập Hội đồng xét duyệt học lực - hạnh kiểm	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	7	H1-1.2-07	Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

				2020 - 2021 2021 - 2022		
	8	H1-1.2-08	Hồ sơ ban thanh tra nhân dân	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Ban thanh tra nhân dân	Ban thanh tra nhân dân
	1	H1-1.3-01	Quyết định công nhận Ban chấp hành Công đoàn	Nhiệm kỳ 2017 - 2022	Phòng giáo dục và đào tạo huyện Nhà Bè	Chủ tịch Công đoàn
	2	H1-1.3-02	Quyết định chuẩn y Ban chấp hành Chi đoàn	2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	UBND xã Phước Kiển	Chi đoàn
	3	H1-1.3-03	Quyết định chuẩn y Ban chỉ Huy liên đội	Năm học 2017 - 2018	Hội đồng Đội huyện Nhà Bè	Chi Đội

				2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022		
	4	H1-1.3-04	Quyết định công nhận Tổng phụ trách Đội	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Hội đồng Đội huyện Nhà Bè	Chi đội
	5	H1-1.3-05	Kế hoạch hoạt động Công đoàn	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Chủ tịch Công đoàn	Công đoàn
	6	H1-1.3-06	Kế hoạch hoạt động Đoàn - Đội	Năm học 2017 - 2018	Bí thư Chi đoàn Tổng phụ trách	Chi đoàn

				2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022		
	7	H1-1.3-07	Các báo cáo sơ kết, tổng kết của Công đoàn	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Chủ tịch Công đoàn	Công đoàn
	8	H1-1.3-08	Các báo cáo tổng kết của Chi đoàn	Năm học 2020 - 2022 2022 - 2025	Bí thư Chi đoàn Tổng phụ trách	Chi đoàn
	9	H1-1.3-09	Nghị quyết Đại hội Chi bộ	Năm học 2020 - 2022 2022 - 2025	Chi bộ	Bí thư Chi bộ
	10	H1-1.3-10	Quyết định công nhận cấp ủy	Năm học 2017 - 2018	Đảng ủy xã Phước Kiển	Chi bộ

				2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022		
	11	H1-1.3-11	Bằng khen, giấy khen của đoàn thể	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Đoàn thể	Đoàn thể
	12	H1-1.3-12	Bằng khen, giấy khen của Chi bộ	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Đảng ủy xã Phước Kiển	Chi bộ
	13	H1-1.3-13	Giấy khen về công tác chữ thập đỏ	Nhiệm kỳ 2017 - 2022	Hội Chữ thập đỏ huyện Nhà Bè	Phó hiệu trưởng

Tiêu chí 1.4	1	H1-1.4-01	Quyết định bổ nhiệm, điều động Hiệu trưởng	Từ năm học 2017 - 2018 đến nay	Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè	Hiệu trưởng
	2	H1-1.4-02	Quyết định bổ nhiệm, điều động Phó hiệu trưởng	Năm học 2017 - 2018 Đến nay	Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè	Phó hiệu trưởng
	3	H1-1.4-03	Quyết định bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó các tổ	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Hiệu trưởng	Tổ trưởng, tổ phó
	4	H1-1.4-04	Kế hoạch hoạt động tổ chuyên môn, tổ văn phòng	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Tổ trưởng	Các tổ

	5	H1-1.4-05	Quy chế làm việc các bộ phận của tổ văn phòng	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Hiệu trưởng	Tổ Văn phòng
	6	H1-1.4-06	Các chuyên đề thao giảng, chuyên đề của các tổ cấp trường	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Tổ nhóm	Phó hiệu trưởng
	7	H1-1.4-07	Sổ ghi chép nội dung sinh hoạt chuyên môn	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Tổ nhóm	Phó hiệu trưởng

	8	H1-1.4-08	Hồ sơ kiểm tra nội bộ	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	9	H1-1.4-09	Báo cáo sơ kết, tổng kết các tổ	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Tổ trưởng	Các tổ
	10	H1-1.4-10	Hình ảnh thực hiện các tiết chuyên đề, thao giảng các cấp	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Tổ trưởng	Các tổ, nhóm

Tiêu chí 1.5	1	H1-1.5-01	Bảng thống kê số lớp các năm học	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Hiệu trưởng	Hồ sơ học vụ
	2	H1-1.5-02	Sơ đồ vị trí phòng học	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	3	H1-1.5-03	Hồ sơ công tác chủ nhiệm	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Giáo viên chủ nhiệm	Hồ sơ học vụ

	4	H1-1.5-04	Báo cáo số liệu học sinh	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Học vụ	Hồ sơ học vụ
	5	H1-1.5-05	Danh sách học sinh theo lớp	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Học vụ	Hồ sơ học vụ
Tiêu chí 1.6	1	H1-1.6-01	Hồ sơ cán bộ, giáo viên, nhân viên	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Học vụ	Hồ sơ học vụ

	2	H1-1.6-02	Sổ Gọi tên và ghi điểm	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Học vụ	Hồ sơ học vụ
	3	H1-1.6-03	Sổ Đăng bộ	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Học vụ	Hồ sơ học vụ
	4	H1-1.6-04	Sổ Quản lý, cấp phát văn bằng	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Học vụ	Hồ sơ học vụ

	5	H1-1.6-05	Sổ Theo dõi học sinh chuyển đến, chuyển đi	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Học vụ	Hồ sơ học vụ
	6	H1-1.6-06	Học bạ	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Giáo viên	Hồ sơ học vụ
	7	H1-1.6-07	Sổ Ghi đầu bài	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Học vụ	Hồ sơ học vụ

	8	H1-1.6-08	Hồ sơ lưu trữ công văn đi, đến	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Học vụ	Hồ sơ học vụ
	09	H1-1.6-09	Sổ theo dõi sức khỏe giáo viên	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Y tế	Hồ sơ y tế
	10	H1-1.6-10	Kế hoạch giáo dục cá nhân	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Giáo viên	Giáo viên

	11	H1-1.6-11	Biên bản kiểm tra tài chính	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Hiệu trưởng	Kế toán
	12	H1-1.6-12	Hồ sơ dự toán	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Hiệu trưởng	Kế toán
	13	H1-1.6-13	Hồ sơ quyết toán	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Hiệu trưởng	Kế toán

	14	H1-1.6-14	Quy chế chi tiêu nội bộ	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Hiệu trưởng	Kế toán
	15	H1-1.6-15	Hồ sơ vận động, tài trợ	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Hiệu trưởng	Kế toán
	16	H1-1.6-16	Phần mềm IMAS	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Hiệu trưởng	Nhân viên Tin học, kế toán

Tiêu chí 1.7	1	H1-1.7-01	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng; Kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	2	H1-1.7-02	Thống kê tình hình đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Hiệu trưởng	Hồ sơ học vụ
	3	H1-1.7-03	Phân công nhiệm vụ cán bộ quản lý	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

	4	H1-1.7-04	Phân công chuyên môn	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	5	H1-1.7-05	Quy chế chuyên môn	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	6	H1-1.7-06	Giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Hiệu trưởng	Hồ sơ học vụ

Tiêu chí 1.8	1	H1-1.8-01	Kế hoạch giáo dục	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	2	H1-1.8-02	Kế hoạch hoạt động ngoài giờ lên lớp, trải nghiệm	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	3	H1-1.8-03	Kế hoạch giáo dục hướng nghiệp	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng

	4	H1-1.8-04	Kế hoạch giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	5	H1-1.8-05	Kế hoạch học tập ngoại khóa, trải nghiệm	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	6	H1-1.8-06	Hồ sơ về dạy thêm, học thêm	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

Tiêu chí 1.9	1	H1-1.9-01	Hồ sơ hội nghị cán bộ, công chức, viên chức	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	H1-1.9-02	Hồ sơ khiếu nại tố cáo	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	3	H1-1.9-03	Sổ họp hội đồng trường, hội đồng sư phạm	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

	4	H1-1.9-04	Báo cáo của Ban Thanh tra nhân dân	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Ban Thanh tra nhân dân	Công đoàn
Tiêu chí 1.10	1	H1-1.10-01	Quyết định về công tác an ninh trật tự, an toàn trường học.	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	H1-1.10-02	Hồ sơ về an ninh trật tự, an toàn trường học	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Hiệu trưởng	Y tế

	3	H1-1.10-03	Hồ sơ phòng chống dịch bệnh	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Hiệu trưởng	Y tế
	4	H1-1.10-04	Hồ sơ về phòng chống tai nạn, thương tích	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Hiệu trưởng	Y tế
	5	H1-1.10-05	Hồ sơ về vệ sinh an toàn thực phẩm cung cấp suất ăn công nghiệp	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Hiệu trưởng	Y tế

	6	H1-1.10-06	Hộp thư góp ý	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Hiệu trưởng	Giám thị
	7	H1-1.10-07	Hồ sơ hòa nhập	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Phó hiệu trưởng	Y tế
	8	H1-1.10-08	Hồ sơ phòng cháy chữa cháy	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng

Tiêu chí 2.1	1	H2-2.1-01	Bằng thạc sĩ - Hiệu trưởng	- Số 545/DIPTES OL/2011 ngày 21/9/2011	Trường Đại học mở Thành phố Hồ Chí Minh	Nhân sự
	2	H2-2.1-02	Bằng đại học - Phó hiệu trưởng	- Số C4-940 Ngày 2/4/2009	Trường Đại học sư phạm Huế	Nhân sự
	3	H2-2.1-03	Hồ sơ đánh giá, xếp loại Hiệu trưởng hằng năm	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Trường THCS Lê Thành Công	Công đoàn
	4	H2-2.1-04	Hồ sơ đánh giá, xếp loại Phó hiệu trưởng hằng năm	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021	Trường THCS Lê Thành Công	Công đoàn

				2021 - 2022		
	5	H2-2.1-05	Chứng chỉ quản lý của Hiệu trưởng	Số 172-08/HT.A Ngày 23/6/2008	Trường Đại học Sài Gòn	Nhân sự
	6	H2-2.1-06	Chứng chỉ quản lý của Phó hiệu trưởng.	Số QLPT.08762 ngày 21/5/2020	Trường cán bộ quản lý giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh	Nhân sự
	7	H2-2.1-07	Kết quả đánh giá chuẩn Hiệu trưởng	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nhà Bè	Công đoàn
	8	H2-2.1-08	Bằng trung cấp chính trị của Hiệu trưởng	Số 15125/H239/	Trường cán bộ Thành phố Hồ Chí	Nhân sự

				H240 ngày 17/5/2012	Minh	
	9	H2-2.1-09	Bằng trung cấp chính trị của Phó hiệu trưởng	Số 15021/ H239 ngày 10/4/2012	Trường cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh	Nhân sự
	10	H2-2.1-10	Giấy chứng nhận bồi dưỡng nghịệp vụ Quản lí nhà nước ngạch chuyên viên của Hiệu trưởng	Số 1359/QĐ- ĐHNV ngày 11/7/2017	Đại học nội vụ hà Nội	Nhân sự
	11	H2-2.1-11	Chứng nhận bồi dưỡng giáo viên THCS hạng II của Hiệu trưởng	Số 901/QĐ- ĐHSG ngày 25//4/2019	Đại học Sài Gòn	Nhân sự
	12	H2-2.1-12	Chứng nhận bồi dưỡng giáo viên THCS hạng II của Phó hiệu trưởng	Số 1753/QĐ- ĐHSG ngày 30/7/2019	Đại học Sài Gòn	Nhân sự
	13	H2-2.1-13	Chứng chỉ quốc gia - Tiếng Anh - trình độ B của Phó hiệu	Số B- 145/FLIC/181	Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí	Nhân sự

			trưởng	8-24918 ngày 24 tháng 9 năm 2018	Minh	
	14	H2-2.1-14	Biên bản lấy ý kiến tín nhiệm cán bộ quản lý	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Trường THCS Lê Thành Công	Công đoàn
Tiêu chí 2.2	1	H2-2.2-01	Báo cáo tình hình đội ngũ	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Hiệu trưởng	Nhân sự
	2	H2-2.2-02	Quyết định giao biên chế hằng năm	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019	Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè	Nhân sự

				2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022		
	3	H2-2.2-03	Đánh giá chuẩn giáo viên	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Hiệu trưởng	Công đoàn
	4	H2-2.2-04	Tổng hợp tình hình học sinh cuối cấp trung học cơ sở	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Hiệu trưởng	Nhân viên học vụ
	5	H2-2.2-05	Hồ sơ thi đua	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019	Trường THCS Lê Thành Công	Công đoàn

				2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022		
	6	H2-2.2-06	Hình ảnh về sinh hoạt, tham gia hội thi nghiên cứu khoa học	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Trường THCS Lê Thành Công	Phó hiệu trưởng
	7	H2-2.2-07	Hồ sơ nghiên cứu khoa học	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Hiệu trưởng, Sở giáo dục đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh	Phó hiệu trưởng

Tiêu chí 2.3	1	H2-2.3-01	Tổng hợp đánh giá công chức, viên chức	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Hiệu trưởng	Công đoàn
Tiêu chí 2.4	1	H2-2.4-01	Nội quy, quy tắc ứng xử trong nhà trường	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	H2-2.4-02	Biên bản tiếp xúc giữa Hiệu trưởng với ban cán sự lớp	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Hiệu trưởng	Nhân viên học vụ

	3	H2-2.4-03	Hình ảnh tuyên truyền dưới cờ	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Trường THCS Lê Thành Công	Tổng phụ trách
	4	H2-2.4-04	Hình ảnh tặng quà cho học sinh khó khăn	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Hiệu trưởng	Tổng phụ trách
	5	H2-2.4-05	Quyết định khen thưởng học sinh	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Hiệu trưởng	Nhân viên học vụ

	6	H2-2.4-06	Báo cáo sơ kết, tổng kết năm học	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Trường THCS Lê Thành Công	Phó hiệu trưởng
	7	H2-2.4-07	Biên bản tiếp cha mẹ học sinh	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Trường THCS Lê Thành Công	Nhân viên học vụ
Tiêu chí	Số T T	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn,	Nơi ban hành hoặc nhóm cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)

				quan sát		
Tiêu chí 3.1 Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập	1	H3-3.1-01	Hình ảnh khuôn viên và cổng nhà trường	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	2	H3-3.1-02	Hình ảnh sân chơi	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	3	H3-3.1-03	Thiết bị tập luyện ngoài trời	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Tổ Thể dục thể thao

				2021 - 2022		
Tiêu chí 3.2 Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	1	H3-3.2-01	Hình ảnh phòng học, bàn ghế, bảng, đèn, quạt	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	2	H3-3.2-02	Hình ảnh phòng học bộ môn	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	3	H3-3.2-03	Hình ảnh phòng sinh hoạt Đội, truyền thống, phòng thư viện, phòng họp giáo viên	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021	Đoàn - Đội	Tổng phụ trách

				2021 - 2022		
Tiêu chí 3.3 Khối hành chính - quản trị	1	H3-3.3-01	Hình ảnh khối hành chính quản trị	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	2	H3-3.3-02	Hình ảnh nhà để xe	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	3	H3-3.3-03	Biên bản kiểm kê tài sản, sổ tài sản	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Kế toán

				2021 - 2022		
	4	H3-3.3-04	Hình ảnh nhà ăn, nhà nghỉ giáo viên nam, giáo viên nữ	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
Tiêu chí 3.4 Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	1	H3-3.4-01	Sơ đồ, hình ảnh các khu nhà vệ sinh giáo viên, học sinh	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Hiệu trưởng	Y tế
	2	H3-3.4-02	Hợp đồng về sử dụng nước	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Y tế

				2021 - 2022		
	3	H3-3.4-03	Hợp đồng thu gom rác thải	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Hiệu trưởng	Y tế
	4	H3-3.4-04	Hình ảnh phân loại rác và bãi tập kết rác thải	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Y tế	Y tế
Tiêu chí 3.5 Thiết bị	1	H3-3.5-01	Sổ sử dụng thiết bị	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021	Phó hiệu trưởng	Thiết bị

				2021 - 2022		
	2	H3-3.5-02	Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Phó hiệu trưởng	Thiết bị
	3	H3-3.5-03	Hình ảnh phòng thực hành thí nghiệm, Sổ thực hành thí nghiệm	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Phó hiệu trưởng	Thiết bị
	4	H3-3.5-04	Hộp đồng internet	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Kế toán

				2021 - 2022		
	5	H3-3.5-05	Biên bản kiểm tra của phòng Giáo dục, biên bản tự kiểm tra	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Trường, phòng Giáo dục	Thiết bị
Tiêu chí 3.6 Thư viện	1	H3-3.6-01	Sổ thư viện, Mục lục sách	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Thư viện	Thư viện
	2	H3-3.6-02	Kế hoạch hoạt động của Thư viện	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021	Thư viện	Thư viện

				2021 - 2022		
	3	H3-3.6-03	Kế hoạch giới thiệu sách, trưng bày sách	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Thư viện	Thư viện
	4	H3-3.6-04	Kế hoạch ngoại khóa, phối hợp tổ bộ môn và Kế hoạch mua sắm, bổ sung	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Thư viện	Thư viện
	5	H3-3.6-05	Tài liệu sưu tầm, Thư mục	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021	Thư viện	Thư viện

				2021 - 2022		
	6	H3-3.6-06	Báo cáo công tác thư viện	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Thư viện	Thư viện
	7	H3-3.6-07	Sổ hợp mạng lưới thư viện	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Thư viện	Thư viện
	8	H3-3.6-08	Kiểm kê kho sách	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021	Thư viện	Thư viện

				2021 - 2022		
	9	H3-3.6-09	Hóa đơn, biên bản nhập sách	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Thư viện	Thư viện
	10	H3-3.6-10	Biên bản kiểm tra của phòng Giáo dục, biên bản tự kiểm tra	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Trường, phòng Giáo dục	Thư viện
Tiêu chí 4.1	1	H4-4.1-01	Hồ sơ Ban đại diện Cha mẹ học sinh	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021	Hiệu trưởng	Văn thư

				2021 - 2022		
	2	H4-4.1-02	Kế hoạch hoạt động của Ban đại diện Cha mẹ học sinh	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Ban đại diện Cha mẹ học sinh	Hiệu trưởng Văn thư
	3	H4-4.1-03	Báo cáo hoạt động của Ban đại diện Cha mẹ học sinh	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Hiệu trưởng	Văn thư
	4	H4-4.1-04	Hình ảnh hoạt động lễ, hội	Năm học	Đoàn - Đội	Bí thư Đoàn,

				2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022		Tổng phụ trách Đội
	5	H4-4.1-05	Hình ảnh hoạt động Chăm lo “Xuân yêu thương”	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Đoàn - Đội	Bí thư Đoàn, Tổng phụ trách Đội
Tiêu chí 4.2	1	H4-4.2-01	Hình ảnh về công tác tuyên truyền, giáo dục địa phương, giáo dục truyền thống	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Phó hiệu trưởng	Tổ Sử - Địa - GDCD
	2	H4-4.2-02		Năm học	Phó hiệu trưởng	Tổ Sử - Địa -

			Kế hoạch giáo dục địa phương, giáo dục truyền thống	2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022		GDCD
	3	H4-4.2-03	Kế hoạch kỹ năng sống	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng Văn thư
	4	H4-4.2-04	Quyết định công nhận Trường học an toàn, an ninh trật tự	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Ủy ban nhân dân Huyện Nhà Bè	Hiệu trưởng
	5	H4-4.2-05		Năm học	Hiệu trưởng	Kế toán

			Báo cáo kết quả thực hiện miễn giảm, hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn	2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022		
Tiêu chí 5.1	1					
	1	H5-5.1-01	Biên bản kiểm tra nội bộ	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020-2021 2021-2022	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	2	H5-5.1-02	Kế hoạch giảng dạy năm 2017 - 2022	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng

	3	H5-5.1-03	Hồ sơ dạy học điện tử, có ứng dụng công nghệ thông tin	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	4	H5-5.1-04	Các chuyên đề bồi dưỡng thường xuyên tập huấn về phương pháp mới (BDTX).	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	5	H5-5.1-05	Kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng

	6	H5-5.1-06	Danh sách học sinh giỏi cấp huyện, cấp thành phố các năm	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
Tiêu chí 5.2	1	H5-5.2-01	Kế hoạch phụ đạo học sinh yếu	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	2	H5-5.2-02	Thống kê học sinh thuộc diện khó khăn	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng

	3	H5-5.2-03	Kế hoạch hoạt động câu lạc bộ	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	4	H5-5.2-04	Báo cáo hoạt động thể dục thể thao	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Nhóm Thể dục	Phó hiệu trưởng
	5	H5-5.2-05	Thống kê tình hình học sinh giỏi, tiên tiến	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng

Tiêu chí 5.3	1	H5-5.3-01	Kế hoạch bài dạy giáo dục địa phương các môn	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
Tiêu chí 5.4	1	H5-5.4-01	Hình ảnh hoạt động các tiết học ngoài nhà trường, trải nghiệm, hướng nghiệp	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	2	H5-5.4-02	Kế hoạch hoạt động trải nghiệm	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng

Tiêu chí 5.5	1	H5-5.5-01	Hình ảnh minh họa các tiết kỹ năng sống	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	2	H5-5.5-02	Kế hoạch sinh hoạt câu lạc bộ và hình ảnh	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	3	H5-5.5-03	Hình ảnh quyên góp, nuôi heo đất	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng

	4	H5-5.5-04	Hình ảnh các chuyên đề về y tế	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
Tiêu chí 5.6	1	H5-5.6-01	Biên bản xét duyệt chung (hồ sơ xét tốt nghiệp THCS)	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	2	H5-5.6-02	Sổ gốc cấp phát bằng tốt nghiệp THCS	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Hiệu trưởng	Học vụ

	3	H5-5.6-03	Sổ đăng bộ	Năm học 2017 - 2018 2018 - 2019 2019 - 2020 2020 - 2021 2021 - 2022	Hiệu trưởng	Học vụ
--	---	-----------	------------	--	-------------	--------